UBND TỈNH TÂY NINH **THANH TRA TỈNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29 /KL-TTr	*Tây Ninh, ngày 28 tháng 5 năm 2025*

KẾT LUẬN THANH TRA

Về thanh tra trách nhiệm đối với Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tây Ninh trong việc thực hiện Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng

Thực hiện Quyết định thanh tra số 16/QĐ-TTr ngày 20/01/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc thanh tra trách nhiệm đối với Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tây Ninh trong việc thực hiện Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng; từ ngày 23/01/2025 đến ngày 02/4/2025, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tây Ninh *(sau đây gọi tắt là Đài)*.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 05/BC-ĐTTr ngày 05/5/2025 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Đài là cơ quan báo chí (báo nói, báo hình) của Đảng bộ, chính quyền địa phương, diễn đàn của Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, là đơn vị sự nghiệp có thu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính[1], thực hiện chức năng cơ quan báo chí của Đảng bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy do UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của UBND tỉnh Tây Ninh và được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 19/8/2019. Tổ chức, bộ máy của Đài gồm Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc và 06 phòng chuyên môn; hiện có Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 06 phòng chuyên môn với 63 biên chế và 54 hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn.

Trong kỳ thanh tra, Đài đã triển khai, tổ chức thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn theo quy định, trong đó đã quan tâm chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về tiếp công dân (TCD), giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC) và phòng, chống tham nhũng (PCTN).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

[1] Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh.

Đài đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về TCD, KNTC và PCTN trong cơ quan theo quy chế dân chủ ở cơ sở, công tác dân vận chính quyền thông qua các cuộc họp giao ban tháng, qua hệ thống Egov, đồng thời tuyên truyền, phổ biến đến người dân qua các chương trình, chuyên mục trên sóng phát thanh, truyền hình như Chương trình Hộp thư truyền hình[2] và Chương trình Phổ biến giáo dục pháp luật[3].

2. Công tác tiếp công dân

- Việc triển khai, thực hiện các quy định: Đài có ban hành 03 kế hoạch về công tác tiếp công dân[4].

- Triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng công tác TCD, gắn với thực hiện cơ sở dữ liệu Quốc gia về TCD, giải quyết KNTC giai đoạn 2021-2025" trên địa bàn tỉnh: Đài có ban hành Kế hoạch số 40a/KH-PTTH ngày 22/4/2022 của Giám đốc Đài về việc triển khai thực hiện Đề án *"Nâng cao chất lượng công tác TCD, gắn với thực hiện Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TCD giải quyết KNTC giai đoạn 2021 - 2025"*.

- Thực hiện quy định chế độ, chính sách đối với người TCD: Đài không thực hiện chi bồi dưỡng cho thủ trưởng và công chức thực hiện TCD theo Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ TCD, xử lý đơn KNTC, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Qua làm việc, Đài giải trình do cân đối nguồn tài chính tại đơn vị không đảm bảo.

- Việc ban hành nội quy, quy chế, quy trình TCD và lịch TCD: Đài có ban hành 03 Quyết định quy định về nội quy, quy chế, quy trình TCD[5], 03 Kế hoạch TCD[6] và 03 thông báo Lịch TCD.

- Việc bố trí trụ sở, địa điểm TCD: Đài đã bố trí địa điểm TCD thường xuyên trong cơ quan *(phòng tiếp bạn xem đài)* với diện tích khoảng 28m^2, có niêm yết, công khai thông báo lịch TCD, nội quy, quy chế, quy trình TCD, trang bị máy tính xách tay, camera, bàn, ghế ...bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất cần thiết cho việc TCD tại nơi TCD theo quy định. Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế, Đài chưa niêm yết nội quy, quy trình giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh, công khai thông tin về kết quả TCD

---

[2] Phát 02 lần/tháng vào lúc 21g35, thứ Sáu tuần thứ 1 và tuần thứ 3 của tháng

[3] Phát 02 lần/tháng vào lúc 21g35, thứ Sáu tuần thứ 2 và tuần thứ 4 của tháng

[4] Kế hoạch số 106/KH-PTTH ngày 31/12/2020 của Đài về việc TCD năm 2021.
Kế hoạch số 156/KH-PTTH ngày 31/12/2021 của Đài về việc TCD năm 2022.
Kế hoạch số 167/KH-PTTH ngày 30/12/2022 của Đài về việc TCD năm 2023.

[5] Quyết định số 187/QĐ-PTTH ngày 31/12/2020 của Giám đốc Đài về việc Ban hành Nội quy tiếp công dân tại Đài.
Quyết định số 188/QĐ-PTTH ngày 31/12/2020 của Giám đốc Đài về việc ban hành Quy chế Tiếp công dân tại Đài.
Quyết định số 186/QĐ-PTTH ngày 31/12/2020 của Giám đốc về việc Ban hành Quy trình Tiếp công dân tại Đài.

[6] Kế hoạch số 106/KH-PTTH ngày 31/12/2020 của Đài về việc Tiếp công dân năm 2021 của Đài.
Kế hoạch số 156/KH-PTTH ngày 31/12/2021 của Đài về việc Tiếp công dân năm 2022 của Đài.
Kế hoạch số 167/KH-PTTH ngày 30/12/2022 của Đài về việc Tiếp công dân năm 2023 của Đài.

tại địa điểm TCD theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TCD[7] *(gọi tắt là Nghị định số 64/2014/NĐ-CP).*

- Việc mở sổ TCD: Qua kiểm tra hồ sơ, ghi nhận Đài có mở 03 sổ TCD năm 2021, 2022 và 2023 - 2024 nhưng sổ năm 2022, 2023 - 2024 chưa đúng theo Mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình TCD *(gọi tắt là Thông tư số 04/2021/TT-TTCP)*, ghi sổ chưa thể hiện rõ nội dung TCD thường xuyên, đột xuất, tiếp đoàn đông người.

- TCD định kỳ và đột xuất của người đứng đầu: Giám đốc Đài có trực thực hiện TCD định kỳ (36/36 kỳ) không có dân đến, có tiếp dân đột xuất 01 đoàn đông người. Qua kiểm tra hồ sơ ghi nhận, việc TCD đột xuất 01 đoàn đông người nhưng không thể hiện trong sổ là chưa đúng quy định không đúng theo Thông tư số 04/2021/TT-TTCP, Đài giải trình do đột xuất, phức tạp, có tính chất bạo động nên đơn vị chuyển cho ngành công an giải quyết *(Đài có gửi đến Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Công an tỉnh và các đơn vị liên quan Công văn số 757/PTHH-TCHC ngày 13/10/2023 về báo cáo nhanh việc tụ tập đông người trước cổng Đài).*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP *(trực tiếp thực hiện việc tiếp công dân ít nhất 01 ngày trong 01 tháng tại địa điểm TCD của cơ quan, đơn vị mình).* Tuy nhiên, việc cụ thể hoá nhiệm vụ này chưa đúng và chưa thống nhất cụ thể: tại khoản 1 Điều 1 Nội quy TCD của Đài thể hiện *"việc TCD của Giám đốc Đài vào ngày thứ năm hàng tuần"*, trong khi các quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế TCD, kế hoạch TCD, thông báo lịch TCD thì thể hiện *"việc TCD của Giám đốc Đài vào thứ năm tuần đầu mỗi tháng"*.

- Việc phân công nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên: Đài có quy định tại khoản 2, 3 Điều 1 Nội quy TCD và khoản 1 Điều 6 Quy chế TCD. Ngoài ra, có phân công 01 viên chức có trình độ cử nhân Luật, Báo chí làm phụ trách TCD thường xuyên, tiếp nhận KNTC, kiến nghị, phản ánh tại Đài[8]. Tuy nhiên, việc phân công nhiệm vụ này chưa thống nhất cụ thể: "*tại khoản 2 Điều 1 Nội quy TCD quy định Phòng Tổ chức Hành chính giúp Giám đốc tổ chức TCD thường xuyên tại địa điểm TCD của Đài...; khoản 3 Điều 1 Nội quy TCD Bộ phận tiếp Bạn xem Đài phòng Thời sự TCD thường xuyên vào các ngày trong tuần; khoản 1 Điều 6 Quy chế TCD Việc*

---

[7] Quy định địa điểm TCD, phải niêm yết nội quy TCD, hướng dẫn về quy trình TCD, quy trình giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật và công khai thông tin về việc tiếp công dân của cơ quan, đơn vị tại trụ sở cơ quan, đơn vị, địa điểm tiếp công dân và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị (nếu có), bao gồm:
a) Nơi TCD; thời gian TCD thường xuyên;
b) Lịch TCD của người đứng đầu cơ quan, đơn vị;
c) Thành phần tham dự và dự kiến nội dung TCD của các buổi TCD định kỳ.

[8] Quyết định số 189/QĐ-PTTH ngày 31/12/2020 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tây Ninh về việc phân công viên chức làm đầu mối tiếp công dân, tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh thuộc phạm vi trách nhiệm của Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh (phân công bà Nguyễn Thị Trúc Linh, chuyên viên phòng TCHC làm đầu mối)

TCD thường xuyên của Đài do viên chức được giao nhiệm vụ TCD thường xuyên thực hiện việc TCD tại địa điểm TCD của Đài."

- Xử lý đơn KNTC, kiến nghị, phản ánh: Việc tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn: Không có. Ngoài ra, trong hoạt động chuyên môn Đài có tiếp nhận 124 đơn qua Chuyên mục Hộp thư truyền hình để làm chương trình trả lời cho người dân, Đài đã tổ chức liên hệ cơ quan thẩm quyền thông qua chương trình này trả lời cho người dân.

***- Báo cáo tình hình TCD và xử lý đơn KNTC, kiến nghị, phản ánh*:** Đài có thực hiện chế độ báo cáo định kỳ. Qua kiểm tra thực tế các báo cáo kết quả công tác giải quyết KNTC và công tác PCTN năm 2021, 2022, 2023 và thể hiện số liệu đã tiếp nhận 124 đơn[9] *(gồm 79 đơn khiếu nại, 02 đơn tố cáo, 43 đơn kiến nghị, phản ánh)* các đơn này được Đài thực hiện qua hoạt động chuyên môn là Chuyên mục Hộp thư truyền hình để làm chương trình trả lời cho người dân, các đơn này tổng hợp vào báo cáo là chưa đúng vì đã được cơ quan thẩm quyền tiếp nhận xử lý.

Ngoài ra, Đài có trễ 01 báo cáo 6 tháng năm 2023 *(ngày 16/5/2023)*, trong các Báo cáo 6 tháng, 9 tháng, năm 2022 thiếu một số nội dung yêu cầu Công văn số 146/TTr-VP ngày 24/3/2022 của Thanh tra tỉnh về việc báo cáo việc thực hiện Đề án *"Nâng cao chất lượng công TCD, gắn với thực hiện Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TCD, giải quyết KN, TC giai đoạn 2021"*, cụ thể: Việc triển khai thực hiện Đề án *"Nâng cao chất lượng công TCD, gắn với thực hiện Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TCD, giải quyết KN, TC giai đoạn 2021 giai đoạn 2021-2025"* và không có Phụ lục kèm theo nội dung kèm theo Công văn số 146/TTr-VP ngày 24/3/2022 của Thanh tra tỉnh.

3. Công tác giải quyết KNTC

Không phát sinh

4. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (PCTN, TC)

Đài có ban hành Kế hoạch PCTN hàng năm[10] và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo kế hoạch đề ra và báo cáo định kỳ đầy đủ.

4.1. Xây dựng định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Có xây dựng các quy chế, nhưng có nhiều nội dung chưa bổ sung, điều chỉnh theo quy định hiện hành cụ thể:

- Các Quy chế chi tiêu nội bộ: Đài có ban hành 03 Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ phục vụ cho việc chi tại Đài. Qua kiểm tra: Năm 2021 vẫn thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của năm 2017 và một số căn cứ trong các quyết định ban hành chưa phù hợp, hết hiệu lực, quy chế chưa đúng mẫu,... *(phụ lục số 01)*.

---

[9] Năm 2021: 46 đơn, năm 2022: 41 đơn, năm 2023: 37 đơn

[10] Kế hoạch số 10/KH-PTTH, ngày 13/02/2021 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021
Kế hoạch số 04/KH-PTTH, ngày 12/01/2022 về công tác phòng, chống tham nhũng tiêu cực năm 2022
Kế hoạch số 12/KH-PTTH, ngày 19/01/2023 về công tác phòng, chống tham nhũng tiêu cực năm 2023

- ***Trích lập các quỹ:*** Đài không có trích lập các quỹ (thu nhập, khen thưởng, phúc lợi) và không bổ sung vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp từ tiền khấu hao tài sản cố định *(TSCĐ)* là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và TSCĐ do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước.

4.2.Thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

4.2.1. Công tác tổ chức (bổ nhiệm, bổ nhiệm lại): Theo báo cáo của Đài, trong kỳ đã thực hiện bổ nhiệm mới 07 trường hợp *(năm 2021: 03 trường hợp[11]; năm 2022: 03 trường hợp[12], năm 2023: 01 trường hợp[13]), bổ nhiệm lại 02 trường hợp (năm 2021: 01 trường hợp[14]; năm 2023: 01 trường hợp[15])* hầu hết đều đảm bảo, chỉ có một số hồ sơ sử dụng mẫu lý lịch chưa đúng, bản kê khai tài sản thu nhập phục vụ công tác cán bộ của các cá nhân còn có sai sót, chưa đúng quy định[16].

Ngoài ra, giai đoạn 2021-2023 đơn vị đã ban hành Quyết định giao phụ trách kế toán liên tục là chưa đảm bảo quy định khoản 1 Điều 20 Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán. Bên cạnh đó ghi nhận chứng chỉ kế toán đã hết thời hạn để sử dụng bổ nhiệm[17], đến tháng 8/2023 đơn vị ban hành Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng đảm bảo quy định *(phụ lục số 02)*

4.2.2. Tổ chức kê khai tài sản, thu nhập; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

- Qua kiểm tra hồ sơ, ghi nhận hằng năm đơn vị có xây dựng kế hoạch và thực hiện báo cáo công tác kê khai tài sản, thu nhập đúng thời gian quy định, còn một số hạn chế, thiếu sót *(phụ lục số 03)*.

+ Năm 2021: Tổng số bản kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ kê khai: 05 bản *(trong đó có 05 bản kê khai hằng năm)*.

---

[11] Ông Dương Nguyễn Vũ Hải, Phó Trưởng phòng Thời sự, bổ nhiệm Trưởng phòng Thời sự; ông Vũ Đức Hải, Phó Trưởng phòng Văn nghệ - Giải trí bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng Văn nghệ - Giải trí; ông Mai Xuân Thủy, Phó Trưởng phòng Kỹ thuật - Sản xuất chương trình, bổ nhiệm Trưởng phòng Kỹ thuật - Sản xuất chương trình.

[12] Bà Nguyễn Cẩm Nam, Phóng viên phòng Thời sự, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thời sự; bà Hồ Minh Nguyệt, Biên tập viên phòng Thời sự, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thời sự; ông Lê Văn Sĩ, Chuyên viên phòng Dịch vụ - Quảng cáo, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Dịch vụ - Quảng cáo.

[13] Ông Lê Bá Thành, Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

[14] Ông Vương Ngọc Nghĩa, Phó Trưởng phòng Thời sự.

[15] Ông Mai Quang Hiền, Phó Trưởng phòng Chương trình - Khoa giáo.

[16] Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 48 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 02/4/2022 của UBND tỉnh Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

[17] Chứng chỉ cấp được cấp ngày 02/11/2015.

+ Năm 2022: Tổng số bản kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ kê khai: 11 bản *(trong đó có 08 bản kê khai hằng năm, 02 bản kê khai lần đầu)*.

+ Năm 2023: Tổng số bản kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ kê khai: 07 bản *(trong đó có 06 bản kê khai hằng năm, 01 bản kê khai bổ sung)*.

4.2.3. Chấp hành định mức, tiêu chuẩn

Đài là đơn vị sự nghiệp, giai đoạn năm 2020 – 2022 tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 31/12/2020[18] của UBND tỉnh Tây Ninh; giai đoạn 2023 – 2025 tự đảm bảo chi thường xuyên theo Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 21/12/2023[19] của UBND tỉnh Tây Ninh. Theo số liệu báo cáo tài chính các năm 2021, 2022, 2023, tổng số thu *(bao gồm nguồn ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp)* là 235.831.844.993 đồng, tổng số chi 223.111.509.055 đồng, số dư sau quyết toán là 12.720.335.938 đồng *(bao gồm thâm hụt từ nguồn thu sự nghiệp là 2.939.731.379 đồng, kinh phí được chuyển nguồn theo quy định là 15.572.357.045 đồng, số thu hồi nộp ngân sách nhà nước là 86.618.847 đồng, kinh phí bị hủy dự toán tại Kho bạc Nhà nước là 1.091.425 đồng)*. Kết quả kiểm tra ngẫu nhiên phát hiện một số hạn chế, thiếu sót, vi phạm cụ thể:

(phụ lục số 04,05,06)

(1) Chi thu nhập, khen thưởng, phúc lợi

+ Năm 2021, qua kiểm tra hồ sơ và kết quả hoạt động kinh doanh thu nhỏ hơn chi nhưng Đài đã thực hiện tạm ứng kinh phí để chi tăng thu nhập 870.833.833 đồng, chi phúc lợi 440.948.383 đồng và chi khen thưởng 97.827.000 đồng là chưa đúng với các quy định: (1) tại khoản 3 Điều 18 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, (2) tại khoản 1 Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và (3) tại Điều 21 Quy chế chi tiêu nội bộ của Đài.

+ Năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh thu nhỏ hơn chi: Đài không có chi tăng thu nhập nhưng việc xử lý số tiền đã tạm ứng chi năm 2021 *(không cụ thể hoá vào quy chế chi tiêu nội bộ và không thực hiện trừ vào quỹ tiền lương)* là chưa đúng với quy định tại khoản 1 Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính

---

[18] Giao quyền tự chủ ổn định trong thời gian 3 năm (từ 2020 đến hết 2022), là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, mức ngân sách nhà nước hỗ trợ năm 2020 là 7.550.000.000 đồng.

[19] Giao quyền tự chủ giai đoạn 2023 – 2025, phân loại là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2), mức tự đảm bảo chi thường xuyên 105%. Kinh phí nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước năm 2023 là 38.655.000.000 đồng.

phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập *(phụ lục số 01)*.

+ Năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh thu lớn hơn chi 4.787.253.879 đồng, không có chi tăng thu nhập, Đài đã bù vào các khoản lỗ của các năm trước, số tiền tạm ứng chi năm 2021 vẫn chưa xử lý.

Đài tạm mượn nguồn cải cách tiền lương và các quỹ tại đơn vị để ứng chi tăng thu nhập, chi phúc lợi, khen thưởng.

(2)Tính khấu hao, hao mòn tài sản cố định: Đài đã sử dụng phần mềm Misa để cập nhật theo dõi và tính khấu hao TSCĐ từ năm 2018, qua kiểm tra sổ theo dõi tài sản, báo cáo tài chính và đối chiếu quy định ghi nhận cụ thể:

- Tài sản tính khấu hao, hao mòn TSCĐ không đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định: Tại sổ tính hao mòn TSCĐ năm 2021 và năm 2023 nhiều TSCĐ không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, nhưng vẫn thực hiện tính hao mòn là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp *(gọi tắt là Thông tư số 45/2018/TT-BTC)* và Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và TSCĐ do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp *(sau đây gọi là Thông tư số 23/2023/TT-BTC)*.

- Xác định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn TSCĐ: Tại sổ tính hao mòn TSCĐ năm 2021, 2022, 2023 tỷ lệ hao mòn nhiều TSCĐ chưa đúng với quy định tại Điều 14[20] Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

---

[20] **Điều 14. Xác định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định**

1. Thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với tài sản cố định hữu hình được sử dụng ở địa bàn có điều kiện thời tiết, điều kiện môi trường ảnh hưởng đến mức hao mòn của tài sản cố định, trường hợp cần thiết phải quy định thời gian sử dụng của tài sản cố định khác với quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quy định cụ thể sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Việc điều chỉnh tỷ lệ hao mòn tài sản cố định không vượt quá 20% tỷ lệ hao mòn tài sản cố định quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với tài sản cố định giao, điều chuyển chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản điều chuyển hoặc được giao nhiệm vụ lập phương án xử lý tài sản thực hiện xác định lại thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định giao, điều chuyển để cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được giao, nhận điều chuyển tài sản làm cơ sở để kế toán tài sản cố định.

Đối với tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp kiểm kê phát hiện thừa thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện xác định lại thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định kiểm kê phát hiện thừa làm cơ sở để kế toán tài sản cố định.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

Thời gian sử dụng của một tài sản cố định vô hình không thấp hơn 04 (bốn) năm và không cao hơn 50 (năm mươi) năm.

hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và TSCĐ do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp *(gọi tắt là Thông tư số 45/2018/TT-BTC)*; đối với TSCĐ vô hình được quy định tại Điều 2 Quyết định số 46/2020/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh về quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn TSCĐ vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tây Ninh *(gọi là tắt Quyết định số 46/2020/QĐ-UBND)* và các quyết định của Sở Thông tin và Truyền thông đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng.

- Qua kiểm tra sổ tính hao mòn TSCĐ năm 2021, 2022, 2023: Nhiều TSCĐ tính hao mòn chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 15[21] Thông tư số 45/2018/TT-BTC và khoản 1 Điều 14[22], khoản 2 Điều 15[23] Thông tư số 23/2023/TT-BTC. Tổng số hao mòn TSCĐ tính cao hơn quy định trong kỳ thanh tra là: 7.857.152. 507 đồng, cụ thể: *(phụ lục số 07)*

Năm 2021: Tổng nguyên giá tài sản là 76.168.405.568 đồng, số hao mòn là 9.416.293.907 đồng. Qua kiểm tra ngẫu nhiên 436/579 tài sản *(sau khi bù trừ vì tỷ lệ hao mòn theo bảng tính của Đài có tài sản cao hơn, có tài sản thấp hơn quy định)* thì tổng số khấu hao, hao mòn chênh lệch cao hơn so với quy định là 2.518.347.203 đồng.

Trường hợp cần thiết phải quy định thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình dưới 04 năm thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan.

[21] **Điều 15. Phương pháp tính hao mòn tài sản cố định**

1. Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản cố định được tính theo công thức sau:

Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản cố định = Nguyên giá của tài sản cố định x Tỷ lệ tính hao mòn (% năm)

Hàng năm, trên cơ sở xác định số hao mòn tăng và số hao mòn giảm phát sinh trong năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tính tổng số hao mòn của tất cả tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp cho năm đó theo công thức sau:

Số hao mòn tài sản cố định lũy kế tính đến năm (n) = Số hao mòn tài sản cố định đã tính đến năm (n-1) + Số hao mòn tài sản cố định tăng trong năm (n) - Số hao mòn tài sản cố định giảm trong năm (n)

[22] **Điều 14. Phương pháp tính hao mòn tài sản cố định**

1. Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản cố định (trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này) được xác định theo công thức sau:

Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản cố định = Nguyên giá của tài sản cố định x Tỷ lệ hao mòn (% năm)

[23] **Điều 15. Quy định về trích khấu hao tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập**

2. Đối với tài sản cố định quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư này vừa sử dụng vào hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết vừa sử dụng vào hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập thì thực hiện như sau:

a) Đơn vị thực hiện tính toán, xác định tổng giá trị hao mòn và khấu hao trong năm của tài sản cố định theo mức hao mòn hàng năm quy định tại Điều 14 Thông tư này.

b) Căn cứ thời gian sử dụng, tần suất sử dụng hoặc khối lượng công việc hoàn thành, đơn vị tính toán phân bổ số khấu hao và số hao mòn trong tổng giá trị hao mòn và khấu hao trong năm đã xác định tại điểm a khoản này để hạch toán vào chi phí cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, chi phí kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đối với số khấu hao; thực hiện hạch toán kế toán hao mòn tài sản cố định đối với số hao mòn.

Năm 2022: Tổng nguyên giá là 97.480.767.987 đồng, số hao mòn là 9.416.293.907 đồng và không tính số hao mòn tài sản cố định vô hình. Qua kiểm tra ngẫu nhiên 328/576 tài sản *(sau khi bù trừ)* thì tổng số hao mòn chênh lệch cao hơn so với quy định 3.247.722.797 đồng.

Năm 2023: Tổng nguyên giá là 147.460.053.663 đồng, số hao mòn là 22.319.880.631 đồng. Qua kiểm tra ngẫu nhiên 248/588 thì *(sau khi bù trừ)* thì tổng số hao mòn chênh lệch cao hơn so với quy định 3.404.790.898 đồng.

(3) Các chứng từ chi sai, chưa chặt chẽ:

- Chứng từ chi khác: Qua kiểm tra ngẫu nhiên các chứng từ, hóa đơn giá trị gia tăng năm 2021, 2022 có một số chứng từ, hóa đơn giá trị gia tăng không có chữ ký người mua hàng, không có ngày, tháng, bảng báo giá không có giá trị, giấy báo làm thêm giờ không có xác nhận của phòng có người làm thêm giờ, không có xác nhận của thủ trưởng đơn vị, một số chứng từ chi đào tạo, bồi dưỡng, chi công tác phí, nhuận bút, chi sửa chữa,... sử dụng nguồn chi phí quản lý của hoạt động sản xuất, kinh doanh *(phụ lục số 08)*

- Chứng từ chi nhuận bút: Đài có ban hành 03 Quyết định quy định việc chi trả nhuận bút. Qua kiểm tra ngẫu nhiên một số chứng từ năm 2021, 2022, 2023, ghi nhận chứng từ thanh toán nhuận bút Tổ đồ họa, dựng phim năm 2021 ghi nhận, Đài có thực hiện chi cho Tổ đồ họa (1%), Tổ dựng phim (16%); Đài thực hiện thanh toán tiền nhuận bút từ tháng 01/2021- 09/2021 theo tỷ lệ 16% Tổ dựng phim là chưa đúng[24]. Việc chi 1% tổng nhuận bút cho Tổ đồ họa chưa quy định chi tiết trong các quy định tại các Quyết định ban hành quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao của đơn vị. Chứng từ thanh toán chi phí sản xuất hậu kỳ và hoàn thiện sản phẩm lần 1 và quý II năm 2021, ghi nhận hệ số thù lao hoàn thiện sản phẩm khối quản lý, tổng hợp không đúng với Phụ lục 3 ban hành kèm theo quyết định số 184/QĐ-PTTH và phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao số 61a/QĐ-PTTH của Giám đốc Đài.

Việc chi trả nhuận bút, thù lao theo quy định tại Điều 4 tại các Quyết định quyết định ban hành quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao có nội dung "Áp dụng đối với các sản phẩm và thù lao chưa thanh toán trước khi ban hành Quyết định này". Qua kiểm tra, ghi nhận trong tháng 5/2023, Đài còn chi một số chứng từ trong năm 2022 là chưa đúng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, khoản 10 Điều 4 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày

---

[24] Theo quy định tại Quyết định số 184/QĐ-PTTH ngày 31/12/2020 của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh ban hành quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao (áp dụng tỷ lệ 11- 15% nhuận bút trực tiếp); Quyết định số 61a/QĐ - PTTH ngày 02/4/2021 của giám đốc Đài Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao (áp dụng ty lệ 13 - 20% tổng nhuận bút) (vượt định mức từ tháng 01- 3/2021).

14/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản *(kèm theo phụ lục số 01, 08)*

(4) Tạm ứng cá nhân

Đài đã mượn nguồn cải cách tiền lương và các quỹ chi tạm ứng cho các cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị, số tồn ứng cuối các năm cụ thể: năm 2021 là 746.716.284 đồng, năm 2022 là 125.689.839 đồng và luỹ kế cuối năm 2023 1.204.280.000 đồng là không đúng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Đài đã đề ra.

5. Công tác đấu thầu mua sắm tài sản

Trong 03 năm, Đài đã tổ chức đấu thầu rộng rãi mua sắm trang thiết bị, đầu tư sản xuất chương trình truyền hình gồm 05 gói thầu (trong đó có 04 gói sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp và 01 gói từ nguồn vốn ngân sách nhà nước), 03 gói chỉ định thầu thông thường, 01 gói chỉ định thầu rút gọn và 97 hợp đồng (gồm các hợp đồng mua bản quyền, phối hợp sản xuất chương trình và thuê đường truyền dẫn phát sóng).

Nguồn vốn thực hiện: Dự án thiết bị phim trường 300 chỗ - giai đoạn 1 được thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước *(NSNN)*, các phần còn lại sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của Đài và 01 phần nguồn vốn NSNN.

Việc tổ chức thực hiện: Giám đốc Đài ký 03 Quyết định[25] thành lập Ban Quản lý dự án *(Ban QLDA)* năm 2021, 2022, 2023 do Phó Giám đốc Đài làm Trưởng Ban, 01 Phó trưởng Ban và các thành viên là các cá nhân trong cơ quan để tham gia thực hiện, đồng thời thành lập Tổ mua sắm nội dung, chương trình phát sóng.

Qua kiểm tra, Trưởng Ban QLDA của Đài không có chuyên ngành được đào tạo theo quy định tại khoản 54 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ban hành năm 2020 quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 152 Luật Xây dựng năm 2014; nhiệm vụ cụ thể được thể hiện trong các quyết định thành lập Ban QLDA, tuy nhiên, có một số nhiệm vụ đã giao trách nhiệm cho Ban QLDA, nhưng Giám đốc Đài lại thuê đơn vị khác thực hiện (lập hồ sơ mời thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu), có nhiệm vụ thì Giám đốc Đài trực tiếp thực hiện (đàm phán và ký hợp đồng),... có nhiệm vụ chưa quy định chưa rõ.

Đối với dự án thiết bị phim trường 300 chỗ - giai đoạn 1, Đài thuê các đơn vị tư vấn để thực hiện gồm: Tư vấn QLDA, tư vấn thiết kế lập dự toán, đơn vị thẩm định giá, tư vấn tổ chức đấu thầu, tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu và tư vấn giám sát để thực hiện toàn bộ dự án. Các đơn vị tham gia thực hiện dự án này đều có chuyên môn và đăng ký ngành nghề kinh doanh, được đào tạo đúng ngành nghề chuyên môn; Riêng đơn vị tư vấn quản lý dự án (Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư xây dựng Đại Hưng) có Giám đốc Công ty kiêm Trưởng Ban QLDA của gói thầu thiết bị phim trường 300 chỗ - giai đoạn 1 không có chứng chỉ đào tạo ngành nghề liên quan

[25] Quyết định số 11/QĐ-PTTH ngày 06/02/2021, Quyết định số 03/QĐ-PTTH ngày 17/01/2022, Quyết định số 228/QĐ-PTTH ngày 31/12/2022

đến lĩnh vực của dự án (Điện tử, Viễn Thông và Công nghệ Thông tin) là chưa đúng theo quy định.

Đối với các dự án thiết bị thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp, trên cơ sở các danh mục thiết bị đã được cấp thẩm quyền đồng ý phê duyệt, Đài lấy báo giá của 03 nhà cung cấp, thuê đơn vị thẩm định giá và tự lập dự toán, trình Sở Tài chính thẩm định, thuê tư vấn tổ chức đấu thầu và thuê tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Kiểm tra toàn bộ các gói thầu mua sắm trang thiết bị truyền hình và kiểm tra ngẫu nhiên 5 gói thầu *"Sản xuất chương trình truyền hình"*, *"Phát sóng trên kênh truyền hình"*, *"Thuê đường truyền dẫn"*, *"Phối hợp sản xuất chương trình truyền hình"* và *" Mua bản quyền chương trình"*, được thực hiện theo Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định liên quan về đấu thầu.

Việc thuê đường truyền dẫn, Phát sóng trên kênh truyền hình chuẩn HD, thực hiện trong trường hợp đặc biệt và mua bản quyền được tổ chức thực hiện chỉ định thầu rút gọn, áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại mục 20 Điều 3 Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ Tướng Chính phủ, nhìn chung các bước thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, có trường hợp không thực hiện đúng khoản 8 Điều 4 "Quy trình lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt" *(hợp đồng chỉ 01 năm, theo quy định phải hơn 01 năm và không quá 5 năm)*.

Kết quả kiểm tra thực tế tất cả các gói thầu trang thiết bị, được tổ chức mua sắm đảm bảo theo danh mục, có thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ hàng hoá; đối chiếu thực tế nhận thấy các trang thiết bị đúng với nguồn gốc theo hồ sơ và danh mục được nghiệm thu bàn giao.

Kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2023, phần báo cáo chi tiết từ nguồn NSNN, vốn đầu tư, xây dựng cơ bản và nguồn phí được khấu trừ, để lại được hạch toán tại Mục 9400 Chi phí khác 10.000.000.000 đồng, gồm: Tiểu mục 9401 chi phí QLDA là 9.776.062.000 đồng và Tiểu mục 9402 chi phí tư vấn đầu tư xây dựng là 223.938.000 đồng. Qua đối chiếu giấy rút vốn thanh toán Kho bạc Nhà nước là tiểu mục 9351 *(chi phí mua sắm thiết bị)* đúng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nội dung này báo cáo quyết toán, hạch toán của Đài sai tiểu mục 9401[26].

6. Việc huy động, tiếp nhận, sử dụng từ tài trợ, ủng hộ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước: Kiểm tra ngẫu nhiên chương trình *"Phòng chống dịch Covid-19"* năm 2021, Đài nhận ủng hộ chương trình *"Phòng chống dịch Covid-19"* và chuyển về cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh, Liên đoàn lao động tỉnh đảm bảo đầy đủ, tổng số tiền 218.193.331 đồng từ nguồn vận động từ viên chức, người lao động của Đài và các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

III. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA

[26] Tiểu mục đúng là 9351 (chi phí mua sắm thiết bị)

1. Kết quả đạt được

Hàng năm, Giám đốc Đài quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo ban hành các văn bản triển khai, tổ chức thực hiện liên quan công tác TCD, giải quyết KNTC và PCTN đã thể hiện được trách nhiệm của người đứng đầu trong chức trách, nhiệm vụ được giao. Kết quả hoạt động đạt được nhiều kết quả tích cực trong điều kiện còn khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID 19, chuyển mình từ đơn vị sự nghiệp nhóm 3 *(tự bảo đảm một phần chi thường xuyên)* sang nhóm 2 *(tự bảo đảm chi thường xuyên)*, Ban Lãnh đạo còn khuyết 02 Phó Giám đốc Đài.

2. Những hạn chế, thiếu sót, vi phạm và trách nhiệm của cơ quan, cá nhân để xảy ra những hạn chế, thiếu sót, vi phạm

2.1. Thực hiện pháp luật về TCD, KNTC

- Chưa niêm yết nội quy, quy trình giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh, công khai thông tin về kết quả TCD tại địa điểm TCD là chưa đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP.

- Sổ TCD năm 2022, 2023 và 2024 chưa đúng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-TTCP, TCD đột xuất chưa ghi vào sổ là chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2021/TT-TTCP.

- Cụ thể hoá quy định TCD định kỳ của lãnh đạo chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 64/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TCD.

- Phân công nhiệm vụ TCD, Đài cụ thể hoá chưa thống nhất giữa các quy chế, kế hoạch và thông báo, chưa thực hiện chi chế độ cho người làm công tác TCD theo quy định; trong các báo cáo số liệu đơn thư KNTC tổng hợp các đơn, thư của chuyên mục Hộp thư truyền hình là chưa đúng theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định về quy trình xử lý đơn KNTC, kiến nghị, phản ánh; báo cáo định kỳ còn trễ so với thời gian quy định.

Chịu trách nhiệm chính đối với những hạn chế, thiếu sót, vi phạm nêu trên là của vị trí tham mưu trực tiếp, trách nhiệm liên quan là của lãnh đạo phòng Tổ chức Hành chính và chịu trách nhiệm chung là Giám Đốc Đài.

2.2. Công tác PCTN

- Xây dựng định mức, tiêu chuẩn, chế độ: Quy chế chi tiêu nội bộ chưa được bổ sung, điều chỉnh kịp thời, năm 2021 vẫn thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành năm 2017, Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023 ban hành chưa đúng mẫu, một số căn cứ văn bản quy phạm pháp luật tại các Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ chưa bổ sung, điều chỉnh kịp thời theo quy định hiện hành, còn căn cứ vào các văn bản đã hết hiệu lực, cụ thể hoá các quy định trong nội dung các Quy chế chi tiêu nội bộ chưa kịp thời với thực tế hoạt động của Đài *(phụ lục số 01)*.

- Tổ chức kê khai tài sản, thu nhập; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập: Có hạn chế, thiếu sót trong các bản kê khai lần đầu, kê khai hằng năm *(phụ lục số 03)*.

- Chấp hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ

+ Chi tăng thu nhập, phúc lợi, khen thưởng: Tạm ứng chi tăng thu nhập, khen thưởng, phúc lợi khi không có trích lập quỹ, tồn quỹ không đủ nguồn và hoạt động không có thặng dư là chưa đúng theo quy định, Quy chế chi tiêu nội bộ và việc không thực hiện trừ vào quỹ tiền lương là chưa đúng với số tiền 1.280.522.000 đồng *(phụ lục 05)*.

+ Tính khấu hao, hao mòn TSCĐ: Chưa đúng quy định với số tiền là: 7.857.152.507 đồng *(Phụ lục số 07)*.

+ Chứng từ chi khác: Một số chứng từ, hóa đơn giá trị gia tăng năm 2021, 2022 không có chữ ký người mua hàng, không có ngày tháng, bảng báo giá không có giá trị, giấy báo làm thêm giờ không có xác nhận của phòng có người làm thêm giờ, không có xác nhận của thủ trưởng đơn vị, một số chứng từ chi đào tạo, bồi dưỡng, chi công tác phí, nhuận bút, chi sửa chữa,... sử dụng nguồn chi phí quản lý của hoạt động sản xuất, kinh doanh, tổng số tiền chi sai là 49.465.000 đồng *(phụ lục số 08)*

+ Chứng từ chi nhuận bút: Một số chứng từ trong năm 2022 chưa đúng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, khoản 10 Điều 4 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; một số chứng từ chi chưa kịp thời *(kèm theo phụ lục số 01, 08)*

+ Tạm ứng cá nhân: Không thu hồi tạm ứng cá nhân sau khi hoàn thành nhiệm vụ là không đúng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Đài đã đề ra, số tồn tạm ứng cuối năm 2021 là 746.716.284 đồng, năm 2022 là 125.689.839 đồng và luỹ kế cuối năm 2023 là 1.204.280.000 đồng. Đến thời điểm thanh tra số tạm ứng này vẫn chưa hoàn ứng *(phụ lục số 01)*

+ Công tác đấu thầu mua sắm tài sản, thiết bị:

Đối với nguồn vốn kinh phí sự nghiệp: Giám Đốc Đài ký Quyết định thành lập Ban QLDA, phân công Trưởng Ban QLDA không có chuyên ngành được đào tạo liên quan đến các lĩnh vực ngành Điện tử, Viễn thông, Công nghệ thông tin là không đúng Điều 152 Luật Xây dựng năm 2014 và Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các hoạt động các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Đối với nguồn vốn NSNN: Đài thuê Tư vấn QLDA có Giám đốc Công ty kiêm Trưởng Ban QLDA gói thầu thiết bị phim trường 300 chỗ - giai đoạn 1 không có

chuyên ngành được đào tạo liên quan đến lĩnh vực Điện tử, viễn thông,... ngành nghề là không đúng Điều 152 Luật Xây dựng năm 2014 và quy định hiện hành.

Áp dụng quy trình chào hàng cạnh tranh đối với các gói thầu mua sắm trang thiết bị là không đúng Điều 57 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Ngoài ra, việc lựa chọn duy nhất 01 đơn vị thẩm định giá cho tất cả 5 gói thầu là chưa thật sự đảm bảo tính khách quan.

Kết quả kiểm tra hồ sơ đấu thầu, từ khâu lập hồ sơ thông báo mời thầu, đến xét thầu chưa phát hiện có hành vi tiêu cực trong công tác đấu thầu, chỉ định thầu.

Tất cả các hạn chế, thiếu sót, vi phạm trong công tác PCTN, trách nhiệm chính là vị trí tham mưu trực tiếp, trách nhiệm liên quan là của lãnh đạo phòng chuyên môn tham mưu và Phó Giám đốc Đài phụ trách lĩnh vực; chịu trách nhiệm chung là Giám Đốc Đài.

3. Nguyên nhân hạn chế, thiếu sót, vi phạm

- Nguyên nhân khách quan:

Trong thời kỳ thanh tra, do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh COVID-19 còn diễn biến phức tạp, phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội, Đài phải tập trung cho công tác tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh, kết quả kinh doanh cũng bị ảnh hưởng do giảm các nguồn thu từ dịch vụ, quảng cáo, một phần do chuyển mình từ đơn vị sự nghiệp nhóm 3 *(tự bảo đảm một phần chi thường xuyên)* sang nhóm 2 *(tự bảo đảm chi thường xuyên)*, chưa kịp thời kiện toàn đủ các Phó Giám đốc Đài (khuyết 02 Phó Giám đốc).

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Trong lãnh đạo, điều hành có lúc lãnh đạo Đài chưa thật sự quan tâm, sâu sát, chưa theo dõi, kiểm tra kịp thời, đầy đủ, toàn diện kết quả thực hiện nhiệm vụ về công tác TCD, giải quyết KNTC và PCTN.

+ Các vị trí tham mưu chưa nghiên cứu kỹ, toàn diện quy định có liên quan nhiệm vụ, nên dẫn đến tham mưu, áp dụng, vận dụng các quy định còn thiếu sót, vi phạm, chưa chủ động tự kiểm tra để phát hiện chấn chỉnh, khắc phục hoặc kịp thời.

4. Tính chất, mức độ vi phạm và trách nhiệm của các cá nhân có liên quan

Các hạn chế, thiếu sót, vi phạm trong thực hiện quy định pháp luật về TCD, KNTC, PCTN của Đài và các cá nhân có liên quan đã nêu trên là ít nghiêm trọng; tuy nhiên, đã làm ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý của đơn vị thời gian qua, nên cần phải tổ chức kiểm điểm nghiêm túc trách nhiệm nhằm để nhận diện, chấn chỉnh, khắc phục.

Trách nhiệm chính là của vị trí tham mưu, trách nhiệm liên quan là của lãnh đạo phòng và lãnh đạo phụ trách lĩnh vực. Chịu trách nhiệm chung là của Giám Đốc Đài.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Qua thanh tra đã ghi nhận nhiều kết quả đạt được của Đài và phát hiện các hạn chế, thiếu sót, vi phạm chủ yếu liên quan nhiệm vụ quản lý, sử dụng kinh phí, chưa phát hiện tiêu cực, vụ lợi, thất thoát, gây thiệt hại đến NSNN. Tổng số tiền chi không đúng quy định là 1.329.987.000 đồng *(một tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, chín trăm tám mươi bảy ngàn đồng)* và các thiếu sót về nghiệp vụ kế toán nêu trên; Chánh Thanh tra tỉnh kiến nghị như sau:

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

Chỉ đạo kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể Ban Giám đốc Đài, Giám đốc Đài, Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực đã thiếu kiểm tra, chưa sâu sát để xảy ra các hạn chế, thiếu sót, vi phạm như kết luận đã chỉ ra.

2. Đối với Giám đốc Đài

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hạn chế, thiếu sót, vi phạm như kết luận đã chỉ ra.

- Rà soát cụ thể hoá nhiệm vụ TCD, xử lý đơn theo đúng quy định.

- Điều chỉnh, bổ sung trong xây dựng tiêu chuẩn định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo đúng quy định hiện hành.

- Có giải pháp chấn chỉnh các hạn chế thiếu sót về kê khai tài sản, thu nhập.

- Thu hồi số tiền: 49.465.000 đồng (gồm các và các khoản chi vượt, chi sai), và nộp vào Tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh: 49.465.000 đồng, khi có quyết định thu hồi tiền của Chánh thanh tra tỉnh.

- Xử lý số tiền 1.280.522.000 đồng đã ứng chi tăng thu nhập, phúc lợi, khen thưởng theo đúng quy định.

- Điều chỉnh lại sổ TSCĐ S24-H, S25-H (mẫu sổ theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) chênh lệch tổng số tiền hao mòn tài sản của 03 năm là 7.857.152.507 đồng theo kết luận đã chỉ ra và tiếp tục rà soát toàn bộ các TSCĐ còn lại để tính khấu hao, hao mòn đúng quy định.

- Điều chỉnh lại báo cáo tài chính các năm sau khi điều chỉnh khấu hao, hao mòn TSCĐ.

- Thu hồi tạm ứng cá nhân luỹ kế đến cuối năm 2023 là 1.204.279.670 đồng, có giải pháp đánh giá sản phẩm ngay sau khi hoàn thành, đúng thực chất để kịp thời thanh toán, không để vi phạm quy định tạm ứng kinh phí.

- Điều chỉnh số tiền 9.776.062.000 đồng trong báo cáo quyết toán đúng tiểu mục chi phí mua sắm thiết bị.

- Chấp hành đúng nguyên tắc kế toán, kiểm soát và quản lý chặt chẽ, kịp thời trong sử dụng kinh phí.

- Việc thành lập Ban QLDA phải thực hiện theo đúng quy định, nhiệm vụ thực hiện của Ban QLDA phải cụ thể, rõ ràng, phải thuê tư vấn để lập Dự toán trang thiết bị, khuyến nghị không lựa chọn duy nhất 1 đơn vị thẩm định giá thiết bị.

- Sắp xếp, lưu trữ hồ sơ, chứng từ kế toán đầy đủ và khoa học hơn.

- Tiếp tục tự kiểm tra, rà soát và khắc phục đối với nội dung chi cho vị trí phụ trách kế toán và kế toán trưởng theo đúng quy định.

(phụ lục số 09)

Đề nghị Ban lãnh đạo Đài PT&TH chỉ đạo rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện kết luận thanh tra; tổ chức thực hiện việc chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế được nêu tại kết luận thanh tra đã chỉ ra.

Trên đây là Kết luận thanh tra trách nhiệm về Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng tại Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:
- Cục III Thanh tra Chính phủ;
- UBND tỉnh (b/c);
- UBKT, Ban NC Tỉnh ủy;
- LĐ Thanh tra tỉnh;
- Đài PTTH TN;
- Trang TTĐT Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, NV3, Đoàn TTr.
(Trí)

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA

Đặng Văn Nghĩa

PHỤ LỤC SỐ 01

XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC, TIÊU CHUẨN, CHẾ ĐỘ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 29/KL-TTr ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chánh thanh tra tỉnh)

Nội dung	Quyết định số 43/QĐ-PTTH ngày 05/7/2017 của Đài PTTH Tây Ninh (thực hiện đến 28/10/2021)	Quyết định số 158/QĐ-PTTH ngày 29/10/2021 của Đài PTTH Tây Ninh (có hiệu lực từ 29/10/2021)	Quyết định số 234/QĐ-PTTH ngày 31/12/2022 của Đài PTTH Tây Ninh (năm 2023)	Ghi chú
Căn cứ trong các quyết định	Không ban hành quy chế năm 2021, sử dụng quy chế năm 2017 là chưa đúng. Tuy nhiên, về mức chi không thay đổi do vẫn sử dụng điều khoản chuyển tiếp nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ.			
	Không căn cứ các văn bản quy phạm có hiệu lực như: - Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 về sửa đổi bổ sung một số điều của quyết định số 20/2011/ QĐ-UBND về quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức của Đài; - Nghị định số 16/2015 /NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (có hiệu lực từ 6/4/2015:15/8/2021) thay thế Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị	Tại khoản 2 Điều 62 quy định về đối tượng áp dụng quỹ nhuận bút theo Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tây Ninh là chưa đúng do không có nội dung liên quan (Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND quy định bổ sung CNNVQH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh) - Điều 48 quy định giá dịch vụ và sản xuất sản phẩm quảng cáo theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP (đã hết hiệu lực vào tháng 4/2015).	- Căn cứ thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/11/2022; - Quy chế chưa đúng mẫu (Phụ lục 5) ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. - Tại Điều 41 quy định về tính hao mòn tài sản theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC hết hiệu lực ngày 02/7/2018 được thay thế bằng Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp	

	sự nghiệp công lập.		quản lý không tính thành phần vốn nhà nước.	
Trích lập quỹ	Việc trích lập và sử dụng quỹ được quy định tại Điều 66 Chương V Quy chế chi tiêu nội bộ có nội dung: *"Hàng năm sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi, đơn vị được sử dụng theo quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006...."* là chưa đúng quy định do Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 thời điểm này đã thay thế bằng Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.	Căn cứ theo Quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong năm 2022. Việc trích lập các quỹ được quy định tại Điều 63 Quy chế chi tiêu nội bộ, năm 2022 thực hiện trích lập quỹ theo quy định tại Điều 14 Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Qua kiểm tra, ghi nhận còn một số khoản chưa đúng cụ thể việc trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 3 tháng (theo quy định không quá 2 tháng) tiền lương, tiền công thực hiện trong năm.	Việc trích lập quỹ khác được quy định tại Điều 64 Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện cơ bản đúng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.	
Chi thu nhập tăng thêm	Việc chi bổ sung thu nhập thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quy chế chi tiêu nội bộ, cụ thể: *"Căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính quý, năm của Đài, Giám đốc quyết định tạm chi trước tăng thu nhập cho CBVC và người lao động không quá 40% số chênh lệch thu lớn hơn cho được xác định theo từng quý. Trường hợp kết quả hoạt động tài chính quý, năm không đảm bảo hoạt động thì không*	Việc chi thu nhập tăng thêm được quy định tại mục 2.2 khoản 2 Điều 10 quy chế chi tiêu nội bộ cơ bản đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Trong năm 2022, Đài không thực hiện chi thu nhập tăng thêm. Tuy nhiên, theo quy định tại Mục 1 Thông tư 113/2007/TT-BTC sửa đổi Thông tư 71/2006/TT-BTC	Việc chi thu nhập tăng thêm được quy định tại mục mục 2.2 khoản 2 Điều 10 quy chế chi tiêu nội bộ cơ bản đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư 56/2022/TT-BTC. Trong năm 2023, Đài không thực hiện chi thu nhập tăng thêm	

	thực hiện việc chi trả tăng thu nhập cho người lao động" Qua kiểm tra kết quả hoạt đông năm 2021, chênh lệch tiền thu nhỏ hơn chi nhưng Đài vẫn thực hiện chi trả bổ sung thu nhập[1] 870.833.833đ là chưa đúng quy định đề ra (Trong năm 2021, tồn quỹ bổ sung thu nhập là 73.863.602 đồng nhưng thực hiện chi 870.833.833 đồng vượt định mức quỹ 796.969.731 đồng)	hướng dẫn Nghị định 43/2006/NĐ-CP quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Bộ Tài chính ban hành có nội dung: *"...Trường hợp số chênh lệch thu lớn hơn chi thực tế thấp hơn số đơn vị tự xác định và kinh phí đã thanh toán thu nhập tăng thêm cho người lao động lớn hơn số kinh phí được chi trả thu nhập tăng thêm (theo chế độ quy định) thì số chi vượt đơn vị phải sử dụng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (nếu có) để bù đắp, trường hợp sau khi dùng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để bù đắp vẫn còn thiếu hụt thì trừ vào chênh lệch thu, chi dành chi trả thu nhập tăng thêm của năm sau; trường hợp năm sau không có chênh lệch thu lớn hơn chi chi, thì trừ vào Quỹ tiền lương của đơn vị".* Đài không quy định và không thực hiện trừ vào quỹ tiền lương là chưa đúng so với quy định tại khoản 1 Thông tư 113/2007/TT-BTC sửa đổi Thông tư 71/2006/TT-BTC.		
Trích khấu hao	Năm 2021, trích khấu hao TSCĐ được quy định tại điểm 1.1 khoản 1	Năm 2022, 2023, trích khấu hao TSCĐ được quy định tại Điều 41 quy chế chi tiêu nội bộ có nội dung: *" mức trích khấu hao cơ bản của tài sản cố định*		Kèm theo Phụ lục số

[1] Quỹ bổ sung thu nhập: Để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm.

	Điều 55 Quy chế chi tiêu nội bộ, cụ thể: "Trích khấu hao TSCĐ được thực hiện theo quy định hiện hành (kinh phí này được nhập vào quỹ hoạt động sự nghiệp)	*được quy định tại thông tư số 162/2014/TT-BTC... và được hạch toán vào chi phí theo thông tư số 107/2017/TT-BTC*[2]*..."* là chưa đúng do tại thời điểm ban hành Quy chế, Thông tư 162/2014 đã hết hiệu lực và được thay bằng Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Đến năm 2023, thực hiện theo quy định tại Thông tư 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.	07
Chi nhuận bút	Trong kỳ thanh tra, đơn vị có ban hành 03 Quyết định[3] cụ thể hóa việc thực hiện chi trả nhuận bút. Qua kiểm tra ghi nhận tại Điều 4 tại các quyết định ban hành quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao có nội dung *"Áp dụng đối với các sản phẩm và thù lao chưa thanh toán trước khi ban hành quyết định này"* là chưa đúng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, khoản 10 Điều 4[4] Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản cụ thể: **Năm 2021:** Một số chứng từ thanh toán tháng 12/2021 có nội dung chi từ tháng 01 – 09/2021 là chưa đúng do thời điểm từ ngày 01/01/2021 đến ngày 02/4/2021 áp dụng theo Quyết định số 184/QĐ-PTTH ngày 31/12/2020 của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh ban hành quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao. Từ ngày 02/4/2021 đến 30/12/2021 áp dụng theo Quyết định số 61a/QĐ-PTTH ngày 02/4/2021 của giám đốc Đài Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao. Chứng từ thanh toán chi phí sản xuất hậu kỳ và hoàn thiện sản phẩm lần 1 và quý II năm 2021, ghi nhận hệ số thù lao hoàn thiện sản phẩm khối quản lý, tổng hợp không đúng với Phụ lục 3 ban hành kèm theo quyết định số 184/QĐ-PTTH và phụ lục 3 ban hành kèm theo quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao số 61a/QĐ-PTTH.	Kèm theo phụ lục số 08

[2] Chưa có nội dung quy định về trích khấu hao TSCĐ

[3] Quyết định số 184/QĐ-PTTH ngày 31/12/2020 của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh ban hành quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao.
Quyết định số 61a/QĐ -PTTH ngày 02/4/2021 của giám đốc Đài Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao.
Quyết định số 204/QĐ -PTTH ngày 31/12/2021 của giám đốc Đài Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao.

[4] Chậm nhất 60 ngày, kể từ ngày tác phẩm được đăng tải, công bố, bên sử dụng tác phẩm phải trả hết tiền nhuận bút cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định. Trường hợp cơ quan báo chí đã liên hệ, thông báo ít nhất 3 lần cho người hưởng nhuận bút, thù lao nhưng không nhận được hồi âm thì tiền nhuận bút, thù lao đó được kết chuyển sang Quỹ nhuận bút của năm tiếp theo.

	Năm 2022: Đài không đủ kinh phí thanh toán nhuận bút, đài có ban hành văn bản 642/PTTH-TCHC ngày 14/10/2022 để xin hỗ trợ kinh phí. **Năm 2023**: Qua kiểm tra, ghi nhận trong tháng 5 năm 2023 đơn vị còn chi một số chứng từ trong năm 2022.	
Chi tạm ứng cá nhân	Luỹ kế đến năm 2023 thực hiện tạm ứng 1.204.279.670 đồng (trong đó số tạm ứng cuối năm 2021: 746.716.284 đồng, năm 2022: 125.689.839 đồng) không đúng nguyên tắc được Đài quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ về chi tạm ứng cụ thể: **Năm 2021**: thực hiện không đúng theo quy định tại Điều 6[5] Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-PTTH ngày 05/7/2017 của Đài PTTH Tây Ninh **Năm 2022:** thực hiện không đúng theo quy định tại Điều 8[6] Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 158/QĐ-PTTH ngày 29/10/2021 của Đài PTTH Tây Ninh.	

[5] **Điều 6. Nguyên tắc chi tạm ứng**

1. CBVC **tạm ứng giải quyết công việc cơ quan, đi công tác sau khi hoàn thành công việc, chuyến đi công tác trong thời gian chậm nhất là 10 ngày, quá thời hạn trên sẽ không giải quyết cho thanh toán**. Trường hợp đặc biệt phải do Giám đốc quyết định.

2. CBVC **tạm ứng đợt nào thanh toán dứt điểm đợt đó. Nếu nợ tạm ứng còn tồn trên 1.000.000 đồng mà không có chứng từ thanh toán, cơ quan sẽ không giải quyết cho tạm ứng tiếp và sẽ trừ vào lương hàng tháng tùy theo số nợ còn tồn và trừ cho đến khi hết nợ**. Những trường hợp đặc biệt phải do Giám đốc quyết định.

3. Tạm ứng lương: CBVC đã được làm hợp đồng thấu chi thì không được tạm ứng lương. Trong trường hợp thật sự quá khó khăn, chỉ được tạm ứng lương tối đa 50% và phải trừ ngay vào lương tháng tạm ứng.

[6] **Điều 8. Nguyên tắc chi tạm ứng**

1. **Cán bộ viên chức, người lao động tạm ứng giải quyết công việc cơ quan, đi công tác sau khi hoàn thành công việc, chuyến đi công tác trong thời gian chậm nhất là 15 ngày, quá thời hạn trên sẽ không giải quyết cho thanh toán** (trường hợp đặc biệt phải do Giám đốc quyết định).

Đối với khoản tạm ứng cho một công việc cụ thể, căn cứ dự toán được duyệt hoặc từng công việc phát sinh đã được lãnh đạo đồng ý, cá nhân (bộ phận) thực hiện tiến hành các thủ tục tạm ứng tiền. **Sau khi công việc đã hoàn tất, chậm nhất là 30 ngày cá nhân (bộ phận) đã tạm ứng phải làm thủ tục thanh quyết toán tạm ứng**.

Kế toán có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, đôn đốc các khoản nợ công tạm ứng.

Các đối tượng biểu hiện dây dưa công nợ, **phải giải quyết dứt điểm công nợ cũ mới được tiếp tục tạm ứng mới.** Trường hợp dây dưa công nợ quá 01 tháng phòng kế toán phải báo cáo lãnh đạo phòng để xử lý, nếu quá 02 tháng phải báo cáo Ban giám đốc.

Trường hợp phát hiện người tạm ứng chiếm đoạt tiền tạm ứng, Phòng Kế toán phải báo cáo ngay cho lãnh đạo xử ký kịp thời.

2. **Cán bộ viên chức, người lao động tạm ứng đợt nào thanh toán dứt điểm đợt đó. Nếu nợ tạm ứng còn tồn trên 1.000.000 đồng mà không có chứng từ thanh toán, cơ quan sẽ không giải quyết cho tạm ứng tiếp và sẽ trừ vào lương hàng tháng tùy theo số nợ còn tồn và trừ cho đến khi hết nợ** (những trường hợp đặc biệt phải do Giám đốc quyết định).

3. Tạm ứng lương: Cán bộ, viên chức đã được làm hợp đồng thấu chi thì không được tạm ứng lương (trường hợp thật sự quá khó khăn, chỉ được tạm ứng lương tối đa 50% và phải trừ ngay vào lương tháng tạm ứng).

	Năm 2023: thực hiện không đúng theo quy định tại Điều 8[7] Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 234/QĐ-PTTH ngày 31/12/2022 của Đài PTTH Tây Ninh.	

Người lập

Phạm Ngọc Minh Trí

4. Đối với khoản tạm ứng mang tính chất thường xuyên như: Chi phí nhiên liệu cho xe, vé, phà, chi phí điện, nước, hoa tươi, trà nước tiếp khách, văn phòng phẩm, chi phí làm hàng,.... Định kỳ hoặc sau khi có chứng từ các khoản chi thực tế đã phát sinh, phòng (bộ phận) tạm ứng tiền làm thủ tục đề nghị thanh toán tạm ứng để thanh toán số tiền đã chi theo đúng quy định tài chính.

[7] **Điều 8. Nguyên tắc chi tạm ứng**

1. **Cán bộ viên chức, người lao động tạm ứng giải quyết công việc cơ quan, đi công tác sau khi hoàn thành công việc, chuyến đi công tác trong thời gian chậm nhất là 15 ngày, quá thời hạn trên sẽ không giải quyết cho thanh toán** (trường hợp đặc biệt phải do Ban Giám đốc quyết định).

Đối với khoản tạm ứng cho một công việc cụ thể, căn cứ dự toán được duyệt hoặc từng công việc phát sinh đã được lãnh đạo đồng ý, cá nhân (bộ phận) thực hiện tiến hành các thủ tục tạm ứng tiền. Sau khi công việc đã hoàn tất, chậm nhất là 30 ngày cá nhân (bộ phận) đã tạm ứng phải làm thủ tục thanh quyết toán tạm ứng.

Kế toán có trách nhiệm thường xuyên theo **dõi, đôn đốc các khoản công nợ tạm ứng.**

Các đối tượng biểu hiện dây dưa công nợ, phải giải quyết dứt điểm công nợ cũ mới được tiếp tục tạm ứng mới. Trường hợp dây dưa công nợ quá 01 tháng phòng kế toán phải báo cáo lãnh đạo phòng để xử lý, nếu quá 02 tháng phải báo cáo Ban giám đốc.

Trường hợp phát hiện người tạm ứng chiếm đoạt tiền tạm ứng, Phòng Kế toán phải báo cáo ngay cho lãnh đạo xử ký kịp thời.

2. **Cán bộ viên chức, người lao động tạm ứng đợt nào thanh toán dứt điểm đợt đó. Nếu nợ tạm ứng còn tồn trên 1.000.000 đồng mà không có chứng từ thanh toán, cơ quan sẽ không giải quyết cho tạm ứng tiếp và sẽ trừ vào lương hàng tháng tùy theo số nợ còn tồn và trừ cho đến khi hết nợ** (những trường hợp đặc biệt phải do Ban Giám đốc quyết định).

3. Tạm ứng lương: Cán bộ, viên chức đã được làm hợp đồng thấu chi thì không được tạm ứng lương (trường hợp thật sự quá khó khăn, chỉ được tạm ứng lương tối đa 50% và phải trừ ngay vào lương tháng tạm ứng).

Đối với khoản tạm ứng mang tính chất thường xuyên như: Chi phí nhiên liệu cho xe, vé, phà, chi phí điện, nước, hoa tươi, trà nước tiếp khách, văn phòng phẩm, chi phí làm hàng,.... Định kỳ hoặc sau khi có chứng từ các khoản chi thực tế đã phát sinh, phòng (bộ phận) tạm ứng tiền làm thủ tục đề nghị thanh toán tạm ứng để thanh toán số tiền đã chi theo đúng quy định tài chính.

5. Bộ phận kế toán, kiểm tra tính rõ ràng, trung thực đầy đủ các chỉ tiêu, các yếu tố ghi chép trên chứng từ;

Kiểm tra tính hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đã ghi trên chứng từ kế toán. Đối chiếu chứng từ kế toán với các tài liệu khác có liên quan;

Kiểm tra tính chính xác của số liệu, thông tin trên chứng từ kế toán. Nếu chứng từ kế toán lập không đúng thủ tục, nội dung và chữ số không rõ ràng thì bộ phận kế toán trả lại yêu cầu làm thêm thủ tục và điều chỉnh sau đó mới làm căn cứ thanh toán;

Khi có đủ chứng từ thanh toán theo quy định, có trách nhiệm thanh toán kịp thời các khoản chi hoạt động của đơn vị sau khi có thủ tục chứng từ thanh toán.

PHỤ LỤC 02
BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 29/KL-TTr ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chánh thanh tra tỉnh)

STT	Họ tên	Hạn chế, sai sót
		Năm 2021
1	Vương Ngọc Nghĩa bổ nhiệm lại Phó Trưởng phòng	Bản kê khai tài sản, thu nhập chưa đảm bảo (không thể hiện đúng tên bản kê khai, chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa, chưa thể hiện chức vụ/ chức danh)
2	Mai Xuân Thủy bổ nhiệm Trưởng phòng	Bản kê khai tài sản, thu nhập chưa đảm bảo (không thể hiện đúng tên bản kê khai, chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa chưa thể hiện chức vụ/ chức danh).
3	Dương Nguyễn Vũ Hải bổ nhiệm Trưởng phòng	Sử sụng chưa đúng mẫu lý lịch công chức; Bản kê khai tài sản, thu nhập chưa đảm bảo (không thể hiện đúng tên bản kê khai, chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa chưa thể hiện chức vụ/ chức danh).
4	Vũ Đức Hải bổ nhiệm Trưởng phòng	Bản kê khai tài sản, thu nhập chưa đảm bảo (không thể hiện đúng tên bản kê khai, chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa chưa thể hiện chức vụ/ chức danh).
		NĂM 2022
5	Hồ Minh Nguyệt bổ nhiệm Phó Trưởng phòng	Tờ trình của Đài gửi Đảng ủy do Phó GĐ ký nhưng thể hiện hình thức ký là GĐ; Bản kê khai tài sản, thu nhập chưa đảm bảo (không thể hiện đúng tên bản kê khai, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa thể hiện chức vụ/ chức danh).
6	Lê Văn Sĩ bổ nhiệm Phó Trưởng phòng	Tờ trình của Đài gửi Đảng ủy do Phó GĐ ký nhưng thể hiện hình thức ký là GĐ; Bản kê khai tài sản, thu nhập chưa đảm bảo (không thể hiện đúng tên bản kê khai, chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa chưa thể hiện chức vụ/ chức danh).
7	Nguyễn Cẩm Nam bổ nhiệm Phó Trưởng phòng	Tờ trình của Đài gửi Đảng ủy do Phó GĐ ký nhưng thể hiện hình thức ký là GĐ; Bản kê khai tài sản, thu nhập chưa đảm bảo (không thể hiện đúng tên bản kê khai, không có ngày kê khai, chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai người nhận bản kê

		khai chưa thể hiện chức vụ/ chức danh, thiếu trang 3).
NĂM 2023		
8	Lê Bá Thành bổ nhiệm Trưởng phòng	Cơ bản đảm bảo
9	Mai Quang Hiền bổ nhiệm lại Phó Trưởng phòng	Bản kê khai tài sản, thu nhập chưa đảm bảo (không thể hiện đúng tên bản kê khai, chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa chưa thể hiện chức vụ/ chức danh)

QUYẾT ĐỊNH GIAO PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Đài ban hành 03 Quyết định liên tục là chưa đảm bảo quy định, có chứng chỉ kế toán trưởng, tuy nhiên đã hết hạn, cụ thể:

- Quyết định số 123/QĐ-PTTH ngày 23/10/2020 của Đài Phát thanh và Truyền hình về giao nhiệm vụ phụ trách kế toán trưởng;
- Quyết định số 157/QĐ-PTTH ngày 29/10/2021 của Đài Phát thanh và Truyền hình về giao nhiệm vụ phụ trách kế toán trưởng;
- Quyết định số 147/QĐ-PTTH ngày 31/10/2022 của Đài Phát thanh và Truyền hình về giao nhiệm vụ phụ trách kế toán trưởng;

QUYẾT ĐỊNH BỔ NHIỆM KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Quyết định số 84/QĐ-PTTH ngày 28/8/2023 của Đài Phát thanh và Truyền hình về bổ nhiệm kế toán trưởng, cơ bản đảm bảo quy trình, tiêu chuẩn bổ nhiệm

Người lập

Thạch Thị Ngọc Phúc

PHỤ LỤC SỐ 03
KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 29./KL-TTr ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chánh thanh tra tỉnh)

STT	Người kê khai	Đánh giá
1	Lê Bá Thành, Trưởng phòng TCHC	**Bản kê khai lần đầu:** cơ bản đảm bảo **Bản kê khai hằng năm (2021):** tên bản kê khai chưa đúng, chưa thể hiện tổng thu nhập mục 10 phần II, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai. **Bản kê khai hằng năm (2022):** tên bản kê khai chưa đảm bảo, mục 10 phần II chưa thể hiện nội dung, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa ký từng trang, chưa thể hiện chức vụ/ chức danh. **Bản kê khai hằng năm (2023):** tên bản kê khai chưa đảm bảo, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai phần III, chưa thể hiện chức vụ/ chức danh người nhận bản kê khai.
2	Mai Xuân Thủy, Trưởng phòng Kỹ thuật – Sản xuất chương trình	**Bản kê khai lần đầu:** cơ bản đảm bảo **Bản kê khai hằng năm (2021):** tên bản kê khai chưa đúng, thiếu mục 10 phần II, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai. **Bản kê khai hằng năm (2022):** tên bản kê khai chưa đảm bảo, chưa thể hiện ngày kê khai, thiếu mục 10 phần II, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa thể hiện chức vụ/ chức danh. **Bản kê khai hằng năm (2023):** tên bản kê khai chưa đảm bảo, thiếu mục 10 phần II, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa thể hiện chức vụ/ chức danh.
3	Lê Văn Sĩ, Trưởng phòng Dịch vụ - Quảng cáo	**Bản kê khai lần đầu:** Cơ bản đảm bảo. **Bản kê khai hằng năm (2021):** tên bản kê khai chưa đúng, chưa thể hiện tổng thu nhập mục 10 phần II, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai. **Bản kê khai hằng năm (2022):** phần II, III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, chưa thể hiện hình thức kê khai, người nhận bản kê khai chưa thể hiện chức vụ/ chức danh. **Bản kê khai hằng năm (2023):** phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa thể hiện chức vụ/ chức danh.
4	Vũ Đức Hải, Trưởng phòng Chương trình – Khoa giáo	**Bản kê khai lần đầu:** cơ bản đảm bảo **Bản kê khai hằng năm (2022):** tên bản kê khai chưa đảm bảo, chưa thể hiện ngày kê khai, tổng thu nhập chung mục 10 phần II thể hiện không đảm bảo, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập

		giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa thể hiện chức vụ/ chức danh. **Bản kê khai hằng năm (2023):** tổng thu nhập chung mục 10 phần II thể hiện không đảm bảo, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa thể hiện chức vụ/ chức danh.
5	Nguyễn Thị Thanh Thảo, Phó trưởng phòng Chương trình – Khoa giáo	**Bản kê khai lần đầu:** cơ bản đảm bảo **Bản kê khai hằng năm (2022):** tên bản kê khai chưa đảm bảo, mục 10 phần II chưa thể hiện nội dung, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa thể hiện chức vụ/ chức danh. **Bản kê khai hằng năm (2023):** tên bản kê khai chưa đảm bảo, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa thể hiện chức vụ/ chức danh
6	Nguyễn Cẩm Nam, Phó trưởng phòng Văn nghệ - Giải trí	**Bản kê khai năm 2022 (lần đầu):** người nhận bản kê khai chưa thể hiện chức vụ/ chức danh. **Bản kê khai bổ sung (2023):** bản kê khai chưa thể hiện thời gian giao nhận
7	Dương Nguyễn Vũ Hải, Trưởng phòng Thời sự	**Bản kê khai lần đầu:** cơ bản đảm bảo **Bản kê khai hằng năm (2022):** sai tên người kê khai, phần III chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai, người nhận bản kê khai chưa ký từng trang, chưa thể hiện chức vụ/ chức danh. **Bản kê khai hằng năm (2023):** sai tên người kê khai, chưa thể hiện tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai tại phần III, chưa thể hiện chức vụ/ chức danh.
8	Hồ Minh Nguyệt, Phó Trưởng phòng thời sự	Bản kê khai năm 2022 (lần đầu): chưa thể hiện đúng chức vụ/chức danh người kê khai.

Người lập

Thạch Thị Ngọc Phúc

PHỤ LỤC SỐ 04
TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 29/KL-TTr ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN/THU	QUYẾT TOÁN/ CHI PHÍ	CÒN LẠI	Bao gồm:				THUYẾT MINH (Số dư chuyển nguồn/hủy dự toán)
					Thặng dư nguồn thu	Chuyển nguồn	Thu hồi nộp NSNN	Hủy dự toán	
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	**235.831,844993**	**223.111,509055**	**12.720,335938**	**-2.939,73**	**15.572,36**	**86,62**	**1,09**	
	Nguồn ngân sách	151.379,87	135.719,80	15.660,07	0,00	15.572,36	86,62	1,09	
	+ KP tự chủ	13.304,91	12.907,08	397,83	0,00	397,83	0,00	0,00	
	+ KP không tự chủ	138.074,96	122.812,72	15.262,24	0,00	15.174,53	86,62	1,09	
	Nguồn thu sự nghiệp	84.217,19	87.375,94	-3.158,75	-3.158,75	0,00	0,00	0,00	
	Nguồn thu khác	234,79	15,77	219,02	219,02	0,00	0,00	0,00	
I	**NĂM 2021**	**68.948,92**	**70.711,41**	**-1.762,49**	**-6.361,41**	**4.598,92**	**0,00**	**0,00**	
	Nguồn ngân sách	54.537,17	49.938,25	4.598,92		4.598,92			Số dư chuyển nguồn năm sau
	+ KP tự chủ	6.229,08	5.831,25	397,83		397,83			CCTL: 374tr, giao quyền: 23.827.179đ
	+ KP không tự chủ	48.308,09	44.107,00	4.201,09		4.201,09			CCTL: 2.980.320.867 đồng, KP mua sắm tài sản: 1.220.768.999 đ
	Nguồn thu sự nghiệp	14.302,30	20.773,16	-6.470,86	-6.470,86				
	Nguồn thu khác	109,45	0,00	109,45	109,45				
II	**NĂM 2022**	**60.905,85**	**62.189,31**	**-1.283,46**	**-1.371,18**	**0,00**	**86,62**	**1,09**	
	Nguồn ngân sách	46.108,60	46.020,89	87,71		0,00	86,62	1,09	
	+ KP tự chủ	7.075,83	7.075,83	0,00					Bao gồm số dư năm trước chuyển sang
	+ Kp không tự chủ	39.032,77	38.945,06	87,71			86,62	1,09	Nộp trả NSNN: 86.618.847đ, hủy DT: 1.091.425đ
	Nguồn thu sự nghiệp	14.797,25	16.168,43	-1.371,18	-1.371,18				
	Nguồn thu khác								
III	**NĂM 2023**	**105.977,08**	**90.210,78**	**15.766,29**	**4.792,85**	**10.973,44**	**0,00**	**0,00**	
	Nguồn ngân sách	50.734,10	39.760,66	10.973,44		10.973,44			
	+ KP tự chủ								

	+ Kp không tự chủ	50.734,10	39.760,66	10.973,44		10.973,44			Mua sắm tài sản do hợp đồng thực hiện cuối năm nhà cung cấp không nhập kịp một số thiết bị
	Nguồn thu sự nghiệp	55.117,64	50.434,36	4.683,28	4.683,28				
	Nguồn thu khác	125,34	15,77	109,57	109,57				

(*): đánh số đến hàng đồng, phẩy ở hàng triệu

Người lập

Phạm Vũ Ngọc Thu

PHỤ LỤC SỐ 05
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 29/KL-TTr ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)

ĐVT: đồng.

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	TRÍCH LẬP TRONG NĂM	SỬ DỤNG	TỒN CHUYỂN NĂM SAU	GHI CHÚ
	TỔNG CỘNG					
1	Thặng dư	16.728.178.268	(2.831.732.867)	4.390.448.007	9.505.997.394	
2	Trích lập các quỹ	2.770.816.086	148.588.000	1.879.534.936	1.039.869.150	
	+ Quỹ Phát triển HĐSN	*2.605.394.244*	-	*285.003.020*	*2.320.391.224*	
	+ Quỹ bổ sung thu nhập	*73.863.602*	-	*870.833.333*	*(796.969.731)*	
	+ Quỹ Khen thưởng	*40.118.409*	*148.588.000*	*206.369.000*	*(17.662.591)*	(1.280.522.074)
	+ Quỹ Phúc lợi	*51.439.831*	-	*517.329.583*	*(465.889.752)*	
3	Trích lập cải cách tiền lương	10.489.772.160	-	2.023.643.916	8.466.128.244	
4	Nguồn CCTL từ nguồn NSNN	3.467.590.022	(2.980.320.867)	487.269.155	-	
	NĂM 2021					
1	Thặng dư		(6.361.410.133)		(6.361.410.133)	
2	Trích lập các quỹ	2.770.816.086	36.800.000	1.559.570.536	1.248.045.550	
	+ Quỹ Phát triển HĐSN	*2.605.394.244*		*149.961.820*	*2.455.432.424*	
	+ Quỹ bổ sung thu nhập	*73.863.602*		*870.833.333*	*(796.969.731)*	
	+ Quỹ Khen thưởng	*40.118.409*	*36.800.000*	*97.827.000*	*(20.908.591)*	
	+ Quỹ Phúc lợi	*51.439.831*		*440.948.383*	*(389.508.552)*	
3	Trích lập cải cách tiền lương	10.489.772.160		660.622.869	9.829.149.291	
4	Nguồn CCTL từ nguồn NSNN	3.467.590.022		487.269.155	2.980.320.867	
	NĂM 2022					
1	Thặng dư	(6.361.410.133)	(1.371.175.125)		(7.732.585.258)	
2	Trích lập các quỹ	1.248.045.550	33.568.000	183.222.400	1.098.391.150	
	+ Quỹ Phát triển HĐSN	*2.455.432.424*		*76.381.200*	*2.379.051.224*	
	+ Quỹ bổ sung thu nhập	*(796.969.731)*			*(796.969.731)*	
	+ Quỹ Khen thưởng	*(20.908.591)*	*33.568.000*	*30.460.000*	*(17.800.591)*	
	+ Quỹ Phúc lợi	*(389.508.552)*		*76.381.200*	*(465.889.752)*	
3	Trích lập cải cách tiền lương	9.829.149.291			9.829.149.291	
4	Nguồn CCTL từ nguồn NSNN	2.980.320.867	(2.980.320.867)		-	Điều chỉnh giảm NSNN
	NĂM 2023					
1	Thặng dư	(7.732.585.258)	4.787.253.879		(2.945.331.379)	
2	Trích lập các quỹ	1.098.391.150	78.220.000	136.742.000	1.039.869.150	
	+ Quỹ Phát triển HĐSN	*2.379.051.224*		*58.660.000*	*2.320.391.224*	
	+ Quỹ bổ sung thu nhập	*(796.969.731)*			*(796.969.731)*	
	+ Quỹ Khen thưởng	*(17.800.591)*	*78.220.000*	*78.082.000*	*(17.662.591)*	
	+ Quỹ Phúc lợi	*(465.889.752)*			*(465.889.752)*	
3	Trích lập cải cách tiền lương	9.829.149.291		1.363.021.047	8.466.128.244	
4	Nguồn CCTL từ nguồn NSNN					

Người lập

Phạm Vũ Nguyệt Thu

PHỤ LỤC SỐ 06

TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ NGÂN SÁCH GIAO KHÔNG TỰ CHỦ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 21/KL-TTr ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN	DỰ TOÁN GIAO SAU ĐIỀU CHỈNH	ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN	QUYẾT TOÁN	CÒN LẠI	THUYẾT MINH (Số dư chuyển nguồn/hủy dự toán)
A	B	1	2	3	4	5	6=5-1	7
I	**NĂM 2021**	**48.308**	**-**	**48.308**	**44.107**	**44.107**	**4.201**	0
1	Cải cách tiền lương	3.468		3.468	487	487	2.980	
2	Quỹ nhuật bút	13.000	(2.099)	10.901	10.901	10.901	-	
3	Kinh phí đảng, CCB	127	(43)	84	84	84	-	
4	KP thực hiện đề án Vinasat	2.000	(498)	1.501,87	1.501,87	1.501,87	-	
5	Truyền dẫn phát sóng	5.800	(3.020)	2.780,05	2.780,05	2.780,05	-	
6	Mua sắm tài sản	18.000	5.128	23.128,15	21.907,38	21.907,38	1.221	Do hợp đồng thực hiện cuối năm, đơn vị cung cấp không nghiệp nhập hàng về kịp
7	Mua và sản xuất chương trình	3.900	531,85	4.431,85	4.432,00	4.432	(0)	
8	KP tuyên truyền chống buôn lậu	100		100,00	100,00	100	-	
9	Tiền tết UB tỉnh giao	73,50		73,50	73,50	74	-	
10	KP tuyên truyền ATGT	550		550,00	550,00	550	-	
11	KP Covid	600		600,00	600,00	600	-	
12	Kinh phí Bầu cử	590		590	590	590	-	
13	CTMTQG Nông Thôn mới	100		100	100	100	-	

II	**NĂM 2022**	**39.033**	**(0)**	**39.033**	**39.032**	**38.945**	**87,71**	
1	Mua sắm tài sản	11.221	(44,00)	11.177	11.177	11.177	-	
2	Truyền dẫn phát sóng	3.700	(585)	3.115	3.114,60	3.114,60	-	
3	Mua và sản xuất chương trình	6.000	232	6.232	6.232	6.232	-	
4	Quỹ nhuật bút	15.000	124	15.124	15.123	15.043	80,61	Nộp trả NSNN: 79.518.517, hủy 1.091.425
5	Kinh thực hiện đề án Vinasat	1.800	303	2.103	2.103	2.103	-	
6	KP tuyên truyền chống buôn lậu	100		100	100	100	-	
7	Kinh phí đảng, CCB	130	(29)	101	101	94	7,10	Nộp trả NSNN 7.100.000
8	KP tuyên truyền ATGT	600		600	600	600	-	
9	Tiền tết UB tỉnh giao	54		54	54	54	-	
10	CTMTQG Nông Thôn mới	278		278	278	278	-	
11	Diễn tập phòng thủ	150		150	150	150	-	
III	**NĂM 2023**	**50.734,10**		**50.734**	**39.761**	**39.761**	**10.973**	
1	Mua sắm tài sản	12.000		12.000	1.026,56	1.026,56	10.973,44	Chuyển nguồn sang năm 2024: 10.973.440.000
2	Kinh phí giao nhiệm vụ (đặt hàng)	37.822		37.822	37.822	37.822	-	
3	CTMTQG Nông Thôn mới	233		233	233	233	-	
4	KP tuyên truyền ATGT	600		600	600	600	-	
	Tiền tết UB tỉnh giao	79,1		79,1	79,1	79,1	-	

(*): đánh số đến hàng đồng, phẩy ở hàng triệu

Người lập

Phạm Vũ Nguyệt Thu

PHỤ LỤC SỐ 07
TỔNG HỢP CHÊNH LỆCH KHẤU HAO, HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2023
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 15/KL-TTr ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)

STT	Nội dung	Số liệu theo BCTC tại đơn vị	Hao mòn theo TT45	Chênh lệch
I	**Năm 2021**	**6.174.988.836**	**3.659.641.633**	**2.515.347.203**
1	TK 6423	212.615.940	93.708.096	118.907.844
2	TK 366	1.115.283.043	212.639.257	902.643.786
3	TK 61123	4.847.089.853	3.353.294.279	1.493.795.574
II	**Năm 2022**	**5.184.737.203**	**3.247.722.797**	**1.937.014.406**
1	TK 6423	199.343.968	102.785.338	96.558.630
2	TK 366	923.653.917	918.724.079	4.929.838
3	TK 61123	4.061.739.318	2.226.213.379	1.835.525.939
III	**Năm 2023**	**6.465.604.810**	**3.060.813.912**	**3.404.790.898**
1	TK 6423	23.585.533	45.238.781	(21.653.248)
2	TK 366	617.072.779	621.580.773	(4.507.994)
3	TK 61123	5.824.946.498	2.393.994.358	3.430.952.140
Tổng cộng (I+II+III)		**17.825.330.849**	**9.968.178.342**	**7.857.152.507**
	TK 6423	435.545.441	241.732.216	193.813.225
	TK 366	2.656.009.739	1.752.944.109	903.065.630
	TK 61123	14.733.775.669	7.973.502.017	6.760.273.652

Người lập

Chi chú:
Tổng chênh lệch theo BCTC tại đơn vị và TT45
Trong đó **7.857.152.507**
- Chênh lệch khấu 193.813.225
- Chênh lệch hao m 7.663.339.282

Phạm Ngọc Minh Đức

PHỤ LỤC SỐ 08
CÁC CHỨNG TỪ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 05/KL-TTr ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)

STT	Số chứng từ	Nội dung chi	Số tiền	Số người	Chi tiết	Qua làm việc	Nhận định Đoàn thanh tra	Kiến nghị thu hồi
Một số chứng từ chi có nội dung chưa chặt chẽ, thiếu chữ ký, thiếu thông tin, một số giấy báo làm thêm giờ không có xác nhận của phòng có người làm thêm, không có xác nhận của thủ trưởng đơn vị. Một số giấy đi đường không có ghi ngày đi, phương tiện sử dụng, số ngày công tác, lý do lưu trú. Một số chứng từ thanh toán tiền ăn trưa chi chưa đúng so với bản chấm công. Một số bản kê thanh toán tiền lương khoán việc không có ký tên người lập, kế toán.								
A	**Năm 2021**							**1.000.000**
1	PC số 21/02/24 ngày 23/02/2021	Thanh toán tiền mua lẵng hoa chúc mừng tiệt tất niên công ty Sài Gòn New	2.000.000		Đề nghị thanh toán 01 lẵng hoa nhưng trên hóa đơn GTGT 02 lẵng (mỗi lẵng hoa 1.000.000đ)	chi vượt định mức đề nghị thanh toán 1.000.000 đ	Chứng từ chưa đảm bảo thanh toán, kiến nghị thu hồi nộp về quỹ của Đơn vị	1.000.000
B	**Năm 2022**							**28.965.000**
1	Giấy đề nghị Thanh toán ngày 11/2/2022	Chi phí bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính	6.600.000		Chi bồi dưỡng vào Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất, kinh doanh		Chi sai nguồn kiến nghị đơn vị hạch toán lại vào quỹ Phát triển sự nghiệp	6.600.000
2	UNC số 01 ngày 29/4/2022	Thanh toán tiền phí tập huấn lớp K04 KSTSTN Lê Bá Thành, Nguyễn Thị Nam Phương, Phạm Công Nguyên	4.500.000		Chi hoạt động đào tạo vào Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất, kinh doanh		Chi sai nguồn kiến nghị đơn vị hạch toán lại vào quỹ Phát triển sự nghiệp	4.500.000
3	UNC số 01 ngày 03/11/2022	Thanh toán tiền thuê mai kiểng phục vụ tết	17.865.000		Chứng từ chi qua hợp đồng, Không có biên bản nghiệm thu không có 03 bảng báo giá	Các bảng báo giá không thể hiện số lượng chậu, đơn giá (chỉ để thuê mai kiểng), trong hợp đồng thuê năm 2022 nhưng báo giá ngày 16/01/2021 là chưa phù hợp	Kiến nghị thu hồi tổng số tiền 17.865.000 đ vì chứng từ thanh toán không đảm bảo giá trị pháp lý	17.865.000
C	**Năm 2023**				-	-	-	**19.500.000**
1	Giấy đề nghị thanh toán ngày 29/12/2023		124.300.000		khoán vượt định mức (100.000 đ/tháng tương đương 1.200.000đ/năm), trường hợp PTV, BTV (lên hình), PTV (Tiếng Khơmer) yêu cầu bổ sung bảng chấm công làm căn cứ cho việc chi tiền	Tại Điều 42, khoản 3 Điều 44 Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 234/QĐ-PTTH ngày 31/12/2022 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Đài PTTH Tây Ninh quy định: Hỗ trợ tiền mỹ phẩm cho nữ viên chức lao động (Trừ đối tượng Phát thanh viên, Biên tập viên): không vượt quá 1.000.000đ/năm (khoản 3 điều 42) Chi tiền mua giày cho công chức, viên chức, người lao động (nam) không vượt quá 1.000.000 /người/năm (khoản 3, Điều 43).	Đài thực hiện chi vượt khoán tổng cộng 19.5000.000đ (200.000đ x 97 người và 100.000đ x 1 người)	19.500.000
Tổng cộng:								**49.465.000**

NHUẬN BÚT

Một số chương trình truyền hình đề xuất và Kế hoạch không đúng theo quy định tại Điều 3 Quy chế chi tiêu nội bộ. Một số kế hoạch Kế hoạch không có chữ ký của giám đốc Đài. Một số chứng từ chi không có ngày tháng, không có chữ ký xác nhận, một số chữ ký có dấu hiệu khác nhau.Tuy nhiên, hồ sơ thực hiện qua chuyển khoản trực tiếp đến đối tượng thụ hưởng nên kiến nghị không thu hồ số tiền, đơn vị còn sơ sót khi kiểm tra chứng từ thanh toán nên kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm. Một số hồ sơ chậm thanh toán

1	21/12/21NB ngày 17/12/2021	Thanh toán tiền nhuận bút tổ dựng + đồ họa từ tháng 01/2021 đến T09/2021	565.655.395			Qua làm việc đơn vị giải trình, thực tế tổ đồ họa là 01 nhóm nhỏ trong tổ dựng phim vì vậy tổ chức chi tổ dựng, đồ họa 17% (trong đó mức chi tổ đồ họa 1%, tổ dựng 16%).	Đơn vị chưa quy định rõ việc chi cho tổ đồ họa trong năm 2021, Kiến nghị đơn vị, tự xác định tỷ lệ % chênh lệch chi vượt định mức so với quy định (tháng 1,2,3) nộp vào NSNN	
9	UNC số 10 ngày 18/01/2023	Thanh toán tiền hòa âm phối khí SXCT ca cổ năm 2022 đợt 02 đến 05	25.200.000		Chữ ký đại diện bên B có dấu hiệu khác nhau	Đài thực hiện chi trả qua chuyển khoản trực tiếp đến đối tượng; kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác	Hồ sơ thực hiện qua chuyển khoản trực tiếp đến đối tượng thụ hưởng nên kiến nghị không thu hồ số tiền, đơn vị còn sơ sót khi kiểm tra chứng từ thanh toán nên kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm	
10	UNC số 06 ngày 17/01/2023	TT tiền ca sỹ SXCT ca cổ năm 2022 đợt 02 đến 05	32.000.000		Chữ ký bên ủy quyền có dấu hiệu khác nhau	Đài thực hiện chi trả qua chuyển khoản trực tiếp đến đối tượng; kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác	Hồ sơ thực hiện qua chuyển khoản trực tiếp đến đối tượng thụ hưởng nên kiến nghị không thu hồ số tiền, đơn vị còn sơ sót khi kiểm tra chứng từ thanh toán nên kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm	
11	Số 23/05/01AR ngày 04/5/2023	Thanh toán tiền thù lao quản lý tháng 12/2022	855.547.754		Chứng từ tháng 12/2022, chi vào tháng 5/2022	Đơn vị giải trình do năm 2022 Đài không đủ kinh phí thanh toán nhuận bút, đài có ban hành văn bản 642/PTTH-TCHC ngày 14/10/2022 để xin hỗ trợ kinh phí, tuy nhiên thời gian xin kinh phí cuối năm 2022 nên không bố trí ngân sách được. Vì vậy đến tháng 5/2023 đài mới cân đối chi trả các khoản nhuận bút còn nợ.	việc chậm thanh toán nhuận bút cho các đối tượng là chưa đúng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, khoản 10 Điều 4 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản . Trong năm do đơn vị không đủ kinh phí thanh toán nên để nợ nhuận bút, vì vậy không kiến nghị thu hồi	
12	Số 23/05/05AR ngày 05/5/2023	Thanh toán tiền nhuận bút livestream giải bóng đá quốc gia	11.475.038		Chứng từ tháng 12/2022, chi vào tháng 5/2023	Đơn vị giải trình do năm 2022 Đài không đủ kinh phí thanh toán nhuận bút, đài có ban hành văn bản 642/PTTH-TCHC ngày 14/10/2022 để xin hỗ trợ kinh phí, tuy nhiên thời gian xin kinh phí cuối năm 2022 nên không bố trí ngân sách được. Vì vậy đến tháng 5/2023 đài mới cân đối chi trả các khoản nhuận bút còn nợ.	việc chậm thanh toán nhuận bút cho các đối tượng là chưa đúng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, khoản 10 Điều 4 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản . Trong năm do đơn vị không đủ kinh phí thanh toán nên để nợ nhuận bút, vì vậy không kiến nghị thu hồi	

13	Số 23/05/08AR ngày 05/5/2023	Thanh toán tiền nhuận bút tiếng nói cử tri quý 4	27.512.850		Chứng từ tháng 12/2022, chi vào tháng 5/2023	Đơn vị giải trình do năm 2022 Đài không đủ kinh phí thanh toán nhuận bút, đài có ban hành văn bản 642/PTTH-TCHC ngày 14/10/2022 để xin hỗ trợ kinh phí, tuy nhiên thời gian xin kinh phí cuối năm 2022 nên không bố trí ngân sách được. Vì vậy đến tháng 5/2023 đài mới cân đối chi trả các khoản nhuận bút còn nợ.	việc chậm thanh toán nhuận bút cho các đối tượng là chưa đúng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, khoản 10 Điều 4 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản . Trong năm do đơn vị không đủ kinh phí thanh toán nên để nợ nhuận bút, vì vậy không kiến nghị thu hồi	
14	Số 23/05/20AR ngày 17/5/2023	Thanh toán tiền nhuận bút tọa đàm tỏa hôn	9.060.300		Chứng từ tháng 12/2022, chi vào tháng 5/2023	Đơn vị giải trình do năm 2022 Đài không đủ kinh phí thanh toán nhuận bút, đài có ban hành văn bản 642/PTTH-TCHC ngày 14/10/2022 để xin hỗ trợ kinh phí, tuy nhiên thời gian xin kinh phí cuối năm 2022 nên không bố trí ngân sách được. Vì vậy đến tháng 5/2023 đài mới cân đối chi trả các khoản nhuận bút còn nợ.	việc chậm thanh toán nhuận bút cho các đối tượng là chưa đúng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, khoản 10 Điều 4 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản . Trong năm do đơn vị không đủ kinh phí thanh toán nên để nợ nhuận bút, vì vậy không kiến nghị thu hồi	
15	Số 23/06/15QC ngày 08/6/2023	Thanh toán tiền nhuận bút clip minh họa "Hỗ trợ sáng tạo tác phẩm báo chí chất lượng cao năm 2021"	1.192.000		Hợp đồng nghiệm thu ngày 8/11/2022 thanh toán ngày 08/6/2023	Đơn vị giải trình do năm 2022 Đài không đủ kinh phí thanh toán nhuận bút, đài có ban hành văn bản 642/PTTH-TCHC ngày 14/10/2022 để xin hỗ trợ kinh phí, tuy nhiên thời gian xin kinh phí cuối năm 2022 nên không bố trí ngân sách được. Vì vậy đến tháng 5/2023 đài mới cân đối chi trả các khoản nhuận bút còn nợ.	việc chậm thanh toán nhuận bút cho các đối tượng là chưa đúng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, khoản 10 Điều 4 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản . Trong năm do đơn vị không đủ kinh phí thanh toán nên để nợ nhuận bút, vì vậy không kiến nghị thu hồi	
16	Số 23/06/16QC ngày 08/6/2023	Thanh toán nhuận bút clip giải pháp naang cao chất luoengj tiến độ giải quyết các vụ vuệc, vụ án tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	2.908.000		Hợp đồng nghiệm thu ngày 8/11/2022 thanh toán ngày 08/6/2023	Đơn vị giải trình do năm 2022 Đài không đủ kinh phí thanh toán nhuận bút, đài có ban hành văn bản 642/PTTH-TCHC ngày 14/10/2022 để xin hỗ trợ kinh phí, tuy nhiên thời gian xin kinh phí cuối năm 2022 nên không bố trí ngân sách được. Vì vậy đến tháng 5/2023 đài mới cân đối chi trả các khoản nhuận bút còn nợ.	việc chậm thanh toán nhuận bút cho các đối tượng là chưa đúng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, khoản 10 Điều 4 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản . Trong năm do đơn vị không đủ kinh phí thanh toán nên để nợ nhuận bút, vì vậy không kiến nghị thu hồi	

17	Số 23/06/17QC ngày 08/6/2023	Thanh toán nhuận bút "ngày hội gia đình của những người làm công tác PTTH"	1.192.000		Hợp đồng nghiệm thu ngày 8/11/2022 thanh toán ngày 08/6/2023	Đơn vị giải trình do năm 2022 Đài không đủ kinh phí thanh toán nhuận bút, đài có ban hành văn bản 642/PTTH-TCHC ngày 14/10/2022 để xin hỗ trợ kinh phí, tuy nhiên thời gian xin kinh phí cuối năm 2022 nên không bố trí ngân sách được. Vì vậy đến tháng 5/2023 đài mới cân đối chi trả các khoản nhuận bút còn nợ.	việc chậm thanh toán nhuận bút cho các đối tượng là chưa đúng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, khoản 10 Điều 4 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản . Trong năm do đơn vị không đủ kinh phí thanh toán nên để nợ nhuận bút, vì vậy không kiến nghị thu hồi	
18	Chứng từ ngày 03/8/2023	Thanh toán tiền CTP+ NB ekip trực tiếp VTVcab Tây Ninh, Long An	145.351.145		Chứng từ tháng 11/2022 thanh toán năm 2023	Đơn vị giải trình do năm 2022 Đài không đủ kinh phí thanh toán nhuận bút, đài có ban hành văn bản 642/PTTH-TCHC ngày 14/10/2022 để xin hỗ trợ kinh phí, tuy nhiên thời gian xin kinh phí cuối năm 2022 nên không bố trí ngân sách được. Vì vậy đến tháng 5/2023 đài mới cân đối chi trả các khoản nhuận bút còn nợ.	việc chậm thanh toán nhuận bút cho các đối tượng là chưa đúng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút lĩnh vực phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, khoản 10 Điều 4 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản . Trong năm do đơn vị không đủ kinh phí thanh toán nên để nợ nhuận bút, vì vậy không kiến nghị thu hồi	
19	Giấy rút dự toán NSNN ký hiệu số 21/16/13NB ngày 29/6/2021	Thanh toán tiền CPHTSP và CPSX hậu kỳ đợt 01/2021	360.861.454		Chứng từ chi vượt chưa đúng theo hệ số thù lao hoàn thiện sản phẩm khối quản lý, tổng hợp Kế toán trưởng (tương đương) hệ số 1,30; bộ phận hành chính (trừ lãnh đạo phòng) hệ số 0,95 và 0,90 không đúng với Phụ lục 3 ban hành kèm theo quyết định số 184/QĐ-PTTH (Đối tượng thù lao quản lý Kế toán trưởng (tương đương) hệ số 1,30; Bộ phận hành chính(trừ lãnh đạo phòng) hệ số 0,80)		Kiến nghị đơn vị, tự xác định số tiền chi không đúng, điều chỉnh lại theo quy định	
20	Giấy rút dự toán NSNN ký hiệu số 29/08/15NB ngày 01/9/2021	Thanh toán tiền CPHTSP và CPSX hậu kỳ quý 2/2021	636.607.705		Chứng từ chi không đúng phụ lục 3 ban hành kèm theo quy định chi trả chế độ nhuận bút, thù lao số 61a/QĐ-PTTH.cụ thể: theo quy định thì hệ số thù lao hoàn thiện sản phẩm giám đốc 4.0; Phó giám đốc 3,5; trưởng phòng (tương đương) 1,25; phó phòng (tương đương) 1,15; kế toán trưởng (tương đương) 1,15; Kế toán viên 1,00; nhân viên hành chính 0,95; tổ trưởng chuyên môn 0,8. Qua kiểm tra chứng từ chi không đúng hệ số Giám đốc 3; phó giám đốc 2,6; trưởng phòng (tương đương) 1,6; phó phòng 1,45; kế toán trưởng 1,35; bộ phận kế toán (trừ kế toán trưởng) 0,85; phụ trách tổ chuyên môn SXCT 0,85; bộ phận hành chính (trừ lãnh đạo phòng) 0,90		Kiến nghị đơn vị, tự xác định số tiền chi không đúng, điều chỉnh lại theo quy định	

Người lập

Phạm Ngọc Minh Trí

PHỤ LỤC SỐ 09
TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 29/KL-TTr ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)

I. TỔNG HỢP VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KINH TẾ

STT	Cơ quan/tổ chức/Đơn vị/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý								Ghi chú
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m2)	Kiến nghị thu hồi				Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác		
					Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)						
					Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m^2)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m^2)	Tiền (Tr đ)	Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m^2)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	**Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tây Ninh**	Đài thực hiện ứng kinh phí (âm nguồn) để chi tăng thu nhập, chi khen thưởng, phúc lợi là chưa phù hợp so với quy định tại Mục 1 Thông tư 113/2007/TT-BTC sửa đổi bổ sung thông tư số 71/2006/TT-BTC và Điều 21 Quy chế chi tiêu nội bộ	1.280,522								1.280,522		Kiến nghị đơn vị nộp trả về các quỹ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

2		Một số tài sản cố định tính hao mòn chưa phù hợp phương pháp tính hao mòn tài sản cố định được quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 45/2018/TT-BTC và khoản 1 Điều 14 , khoản 2 Điều 15 Thông tư số 23/2023/TT-BTC	7.857,153								7.857,153		kiến nghị đơn vị tiếp tục kiểm tra các tài sản còn lại, điều chỉnh trong sổ theo dõi kê khai tài sản, báo cáo tài chính của đơn vị
3		Các chứng từ chi vượt so với quy chế, chi không đúng nguyên tắc theo Phụ lục số 09	49,465		49,465								Kiến nghị thu hồi nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh
Tổng cộng			**9.187,140**	**0,000**	**49,465**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**9.137,675**		

II. TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
I	**TỔ CHỨC**					
1	**Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**	Hạn chế, thiếu sót như phần Kết luận thanh tra đã nêu.	X			Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có liên quan đến hạn chế, thiếu sót để nhận diện, rút kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh, không để tiếp tục xảy ra các hạn chế, thiếu sót trong thời gian tới.
II	**CÁ NHÂN**					

1	**Ông Vũ Xuân Trường**, Giám đốc Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh Tây Ninh	Chịu trách nhiệm chung trong công tác quản lý để xảy ra các sai sót mà đoàn đã nêu trong Kết luận thanh tra	X			Nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với những hạn chế, thiếu sót và có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh, không để tiếp tục xảy ra các thiếu sót, vi phạm trong thời gian tới
2	**Ông Võ Văn Quý**, Phó Giám đốc Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh Tây Ninh	Chịu trách nhiệm chung trong công tác quản lý để xảy ra các sai sót mà đoàn đã nêu trong Kết luận thanh tra	X			Nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với những hạn chế, thiếu sót và có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh, không để tiếp tục xảy ra các thiếu sót, vi phạm trong thời gian tới
3	**Bà Nguyễn Thị Nam Phương**, Kế toán trưởng	Chịu trách nhiệm chung trong công tác quản lý để xảy ra các sai sót liên quan đến tài chính mà đoàn đã nêu trong Kết luận thanh tra	X			Nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm đối với những hạn chế, thiếu sót và có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh, không để tiếp tục xảy ra các thiếu sót, vi phạm trong thời gian tới
4	**Ông Lê Bá Thành**, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Chịu trách nhiệm trong công tác quản lý phòng, tham mưu các nội dung liên quan đến công tác TCD, Bổ nhiệm, kê khai tài sản, thành lập Ban QLDA mà đoàn đã nêu trong Kết luận thanh tra	X			Nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm đối với những hạn chế, thiếu sót và có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh, không để tiếp tục xảy ra các thiếu sót, vi phạm trong thời gian tới
5	**Ông Mai Xuân Thủy,** Trưởng phòng Kỹ thuật - Sản xuất chương trình	Chịu trách nhiệm trong công tác quản lý phòng, tham mưu để xảy ra các sai sót mà đoàn đã nêu trong Kết luận thanh tra	X			Nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm đối với những hạn chế, thiếu sót và có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh, không để tiếp tục xảy ra các thiếu sót, vi phạm trong thời gian tới

6	**Bà Trần Thị Bích Phượng,** Kế toán viên	Chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu các nội dung liên quan đến việc tạm ứng chi các quỹ, trích khấu hao tài sản, chi các chứng chưa chặc chẽ	X			Nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm đối với những hạn chế, thiếu sót và có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh, không để tiếp tục xảy ra các thiếu sót, vi phạm trong thời gian tới
7	**Bà Nguyễn Thị Trúc Linh,** Chuyên viên phòng Tổ chức - Hành Chính	Chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu các nội dung có liên quan đến công tác TCD,Bổ nhiệm, kê khai tài sảnđể xảy ra các sai sót mà đoàn đã nêu trong Kết luận thanh tra	X			Nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm đối với những hạn chế, thiếu sót và có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh, không để tiếp tục xảy ra các thiếu sót, vi phạm trong thời gian tới

III. TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT

STT	Nội dung kiến nghị	Thông tin về Văn bản kiến nghị hoàn thiện			Ghi chú
		Số văn bản	ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	
1	2	3	4	5	6
I	**KIẾN NGHỊ BÃI BỎ**				
1	không có				
II	**KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**				
1	không có				
III	**KIẾN NGHỊ BAN HÀNH MỚI**				
1	không có				

IV. TỔNG HỢP CÁC KIẾN NGHỊ KHÁC

Người lập

Phạm Ngọc Minh Đức